

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: *2140* /TTr-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 28 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn năm 2021-2025, năm 2025 của tỉnh Quảng Trị (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn năm 2021-2025, năm 2025 của tỉnh Quảng Trị với nội dung sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH 15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 8/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 8/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình (cũ) giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình (cũ) về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh quản lý (lần 1) và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 1) và thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2) nguồn ngân sách tỉnh quản lý; Nghị quyết 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 02/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý); Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân

dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch vốn năm 2025; Nghị quyết 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2024; Căn cứ Nghị quyết 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, năm 2024 và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025; Nghị quyết số 254/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh Quảng Bình (cũ) quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị cũ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương và các Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh trung hạn: số 145/NQ-HĐND ngày 15/11/2021, số 158/NQ-HĐND ngày 9/12/2021, số 41/NQ-HĐND ngày 14/7/2022, số 62/NQ-HĐND ngày 18/10/2022, số 20/NQ-HĐND ngày 28/3/2023, số 84/NQ-HĐND ngày 24/10/2023; số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; số 133/NQ-HĐND ngày 19/12/2023; số 21/NQ-HĐND ngày 10/5/2024; số 51/NQ-HĐND ngày 11/7/2024; số 79/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; số 99/NQ-HĐND ngày 06/12/2024, số 11/NQ-HĐND ngày 4/4/2025; số 12/NQ-HĐND ngày 4/4/2025; số 32/NQ-HĐND ngày 26/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp và Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 28/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý.

A. ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025

I. Sự cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025

Căn cứ kế hoạch thực tế giao hàng năm của Thủ tướng Chính phủ tại các Quyết định 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020; Quyết định 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021 số 2309/QĐ-TTg ngày 29/11/2016; Quyết định 1513/QĐ-TTg ngày 03/12/2022; Quyết định 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023; Quyết định 1508/QĐ-TTg ngày 4/12/2024.

Trên cơ sở các quyết định giao vốn thực tế hàng năm của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) và Quảng Trị (cũ) đã trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết¹.

Tỉnh Quảng Trị (cũ): Kế hoạch năm 2021: Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; Kế hoạch năm 2022 tại Nghị quyết số 154/NQ-HĐND ngày 09/12/2021; kế hoạch 2023 tại Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; kế hoạch 2024 tại Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 7/12/2023; kế hoạch 2025 tại Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 06/12/2024.

Căn cứ Khoản 6, Điều 7, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 quy định: “Đối với vốn cân đối ngân sách địa phương, các địa phương được giao kế hoạch đầu tư công hàng năm nguồn vốn trong cân đối ngân sách địa phương trên cơ sở khả năng thu thực tế, bảo đảm không tăng mức bội chi của ngân sách địa phương hằng năm”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 74 Luật Đầu tư công: “Kế hoạch đầu tư công trung hạn được đánh giá giữa kỳ và khi kết thúc kế hoạch”

Căn cứ số giao hàng năm trên cơ sở số thu thực tế, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 đảm bảo theo đúng số thực tế phân bổ làm cơ sở xây dựng kế hoạch trung hạn giai đoạn sau.

II. Nội dung điều chỉnh

Trong quá trình triển khai Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình cũ và Nghị quyết 137/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của tỉnh Quảng Trị cũ; các Nghị quyết về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 và Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị đã có một số thay đổi, điều chỉnh do kế hoạch giao hàng năm giao thấp hơn so với kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã được phê duyệt. Cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã phê duyệt	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Tăng giảm
*	TỔNG NGUỒN	22.341.267	20.564.520	-1.776.747
	Tỉnh QUẢNG BÌNH CŨ	13.072.335	12.672.175	-400.160
1	Nguồn Ngân sách tập trung	2.450.531	2.275.861	-174.670
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	8.650.099	8.024.007	-626.092
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	245.000	300.000	55.000

Tỉnh Quảng Bình (cũ): Kế hoạch năm 2021: Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 9/12/2020; Kế hoạch năm 2022 tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 27/5/2022; kế hoạch 2023 tại Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; kế hoạch 2024 tại Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; kế hoạch 2025 tại Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 ✓

TT	Nội dung	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã phê duyệt	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Tăng giảm
4	Nguồn khác	1.726.705	1.708.607	-18.098
5	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi		363.700	363.700
	TỈNH QUẢNG TRỊ CŨ	9.268.932	7.892.345	-1.376.587
1	Nguồn Ngân sách tập trung	2.232.900	2.058.914	-173.986
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	6.513.442	5.261.319	-1.252.123
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	242.590	242.590	
4	Nguồn khác	280.000	280.000	
4	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi		49.522	49.522

1. Lý do điều chỉnh

- Nguồn vốn tập trung trong nước phân bổ thực tế hàng năm giảm 348.656 triệu đồng so với Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã phê duyệt (tỉnh Quảng Bình cũ giảm 174.670 triệu đồng; Quảng Bình cũ giảm 173.986 triệu đồng). Lý do: Trung ương giao kế hoạch vốn hàng năm giảm so với kế hoạch giao trung hạn đầu nhiệm kỳ.

- Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất phân bổ thực tế hàng năm giảm 1.878.215 triệu đồng so với Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã phê duyệt (tỉnh Quảng Bình (cũ) giảm 626.092 triệu đồng; tỉnh Quảng Trị (cũ) giảm 1.252.123 triệu đồng). Lý do: Do hụt thu tiền đất nên nguồn thu sử dụng đất dành cho đầu tư công hàng năm giảm so với kế hoạch giao trung hạn đầu nhiệm kỳ.

- Nguồn thu khác: Nguồn thu khác trong đó nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) phân bổ thực tế hàng năm giảm 18.098 triệu đồng so với Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã phê duyệt. Lý do: Do nguồn thu phí hàng năm giảm so với kế hoạch giao trung hạn đầu nhiệm kỳ.

- Nguồn thu xổ số kiến thiết: Nguồn thu xổ số kiến thiết được giao thực tế hàng năm tỉnh Quảng Bình phân bổ tăng 55.000 triệu đồng so với Kế hoạch ĐTC 2021-2025 đã phê duyệt. Lý do: Trung ương giao kế hoạch hàng năm tăng so với giao trung hạn đầu nhiệm kỳ ✓

- Bổ sung nguồn vốn vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 cho các dự án được bố trí từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2024 và chuyển nguồn sang năm 2025 với số tiền: 413.222 triệu đồng.

Theo quy định tại Điểm b, Khoản 7, Điều 71 Hội đồng nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp sau: *“Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương”*

+ Tỉnh Quảng Bình cũ bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn: 363.700 triệu đồng.

+ Tỉnh Quảng Trị cũ bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn: 49.522 triệu đồng.

2. Nội dung điều chỉnh

Điều chỉnh nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối tại Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 và Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 28/10/2025, cụ thể:

Điều chỉnh Nguồn vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối) với số tiền 20.564.520 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách tập trung: 4.334.775 triệu đồng;
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 13.285.326 triệu đồng;
- Nguồn Xổ số: 542.590 triệu đồng;
- Nguồn khác: 1.988.607 triệu đồng;
- Nguồn tăng thu: 413.222 triệu đồng.

3. Phương án điều chỉnh cụ thể:

(Phương án và danh mục dự án điều chỉnh chi tiết tại PL 1 đến PL4 kèm theo)

B. ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

1. Sự cần thiết điều chỉnh

Qua rà soát tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2025 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý), một số dự án vướng mắc GPMB chưa giải ngân hết số vốn bố trí và có một số dự án hoàn thành không còn nhiệm vụ chi. Trên cơ sở nhu cầu của các đơn vị, địa phương đề xuất bổ sung cho một số dự án cần thiết thiếu vốn để sớm đưa dự án hoàn thành theo tiến độ. Do đó, để phát huy hiệu quả nguồn vốn việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 để bổ sung cho các dự án là cần thiết, phù hợp với quy định tại Khoản 7, Điều 71 Luật Đầu tư công năm

2024; Điểm c, khoản 3 Điều 2 Nghị định 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ và điều kiện thực tế của địa phương.

2. Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 với tổng số tiền 13.973 triệu đồng.

(Chi tiết có các phụ lục 5 kèm theo)

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ QUYẾT:

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với các sở, ngành liên quan và các Ban của HĐND tỉnh tham gia thẩm tra Nghị quyết về điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý) và kế hoạch vốn năm 2025 đảm bảo quy trình, thủ tục trong xây dựng Nghị quyết.

IV. NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT:

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều, trong đó:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của tỉnh Quảng Trị (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý đối với tỉnh Quảng Bình cũ đã phân bổ).

Điều 2. Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của tỉnh Quảng Trị nguồn vốn ngân sách địa phương

Điều 3. Tổ chức thực hiện Nghị quyết.

(Có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)


V. Kiến nghị

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Sở TC;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Phong Phú

Phan Phong Phú

PHỤ LỤC 01: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Tờ trình số *14/Tr-UBND* ngày *28/10*/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Danh mục	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (đã phê duyệt tại Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 và nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 28/10/2025)			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Chênh lệch (+/-)			Lý do
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
			Quảng Trị	Quảng Bình		Quảng Trị	Quảng Bình		Quảng Trị	Quảng Bình	
	TỔNG CỘNG	22.341.267	9.268.932	13.072.335	20.564.520	7.892.345	12.672.175	-1.776.747	-1.376.587	-400.160	
	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	22.341.267	9.268.932	13.072.335	20.564.520	7.892.345	12.672.175	-1.776.747	-1.376.587	-400.160	
1	<i>Nguồn vốn ngân sách tập trung (cân đối theo tiêu chí)</i>	<i>4.683.431</i>	<i>2.232.900</i>	<i>2.450.531</i>	<i>4.334.775</i>	<i>2.058.914</i>	<i>2.275.861</i>	<i>-348.656</i>	<i>-173.986</i>	<i>-174.670</i>	
-	Tinh phân bổ	3.380.368	1.840.108	1.540.260	3.062.318	1.696.728	1.365.590	-318.050	-143.380	-174.670	Do Trung ương giao hàng năm thấp hơn so với Trung hạn đầu nhiệm kỳ
-	Huyện phân bổ đưa vào kế hoạch ĐTC của tỉnh sau sắp xếp bộ máy	1.303.063	392.792	910.271	1.272.457	362.186	910.271	-30.606	-30.606	0	Đã điều chỉnh sau sáp nhập
2	<i>Nguồn thu sử dụng đất</i>	<i>15.163.541</i>	<i>6.513.442</i>	<i>8.650.099</i>	<i>13.285.326</i>	<i>5.261.319</i>	<i>8.024.007</i>	<i>-1.878.215</i>	<i>-1.252.123</i>	<i>-626.092</i>	
-	Tinh phân bổ	7.870.293	2.920.293	4.950.000	5.992.078	1.668.170	4.323.908	-1.878.215	-1.252.123	-626.092	Du hụt thu tiền đất hàng năm
-	Huyện phân bổ đưa vào kế hoạch ĐTC của tỉnh sau sắp xếp bộ máy	7.293.248	3.593.149	3.700.099	7.293.248	3.593.149	3.700.099				Đã điều chỉnh sau sáp nhập
3	<i>Nguồn khác</i>	<i>2.006.705</i>	<i>280.000</i>	<i>1.726.705</i>	<i>1.988.607</i>	<i>280.000</i>	<i>1.708.607</i>	<i>-18.098</i>	<i>0</i>	<i>-18.098</i>	
-	Tinh phân bổ (Nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng KCN, KKT; nguồn tăng thu, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới và nguồn khác)	1.192.712	280.000	912.712	1.174.614	280.000	894.614	-18.098		-18.098	Do hụt thu nguồn thu phí cửa khẩu
-	Huyện phân bổ đưa vào kế hoạch ĐTC của tỉnh sau sắp xếp bộ máy	813.993		813.993	813.993		813.993			0	Đã điều chỉnh sau sáp nhập
4	<i>Xổ số kiến thiết</i>	<i>487.590</i>	<i>242.590</i>	<i>245.000</i>	<i>542.590</i>	<i>242.590</i>	<i>300.000</i>	<i>55.000</i>		<i>55.000</i>	Do Trung ương giao hàng năm giảm so với trung hạn giao đầu nhiệm kỳ
5	<i>Nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2024 chuyển sang năm 2025</i>				<i>413.222</i>	<i>49.522</i>	<i>363.700</i>	<i>413.222</i>	<i>49.522</i>	<i>363.700</i>	<i>Bổ sung cập nhật nguồn tăng thu đã có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh</i>

PHỤ LỤC 02: NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ CỬ ĐÃ PHÂN BỐ HÀNG NĂM

(Kèm theo Tờ trình số 21/TC/TT-UBND ngày 22/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
TỔNG SỐ							2.232.900	2.232.900	2.058.914	(173.986)	
I	ĐẦU TƯ LĨNH VỰC QUỐC HỘI QUY ĐỊNH						491.150	493.769	475.239	(18.530)	
1	Giáo dục đào tạo						446.500	449.119	431.858	(17.261)	
1.1	Cấp tỉnh						267.900	271.277	258.366	(12.911)	
-	Bố trí vốn quyết toán						1.000	1.000	0	(1.000)	
-	Hội trường Sở Giáo dục và Đào tạo	TP Đông Hà	19-21	2509/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	10.407	10.407	1.305	1.253	1.253	-	
-	Trường THPT Cửa Việt, huyện Gio Linh	Gio Linh	16-18	2376a/QĐ-UBND 30/10/2015	45.500	45.500	12.244	12.244	12.244	-	
-	Trường THPT Bùi Dục Tài, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	19-21	949/QĐ-UBND ngày 02/05/2019	33.386	33.386	22.586	22.586	22.586	-	
-	Nâng cấp và xây mới trường Mầm non Sao Mai, Đông Hà	Đông Hà	18-20	2972/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	9.000	9.000	964	964	964	-	
-	Nhà hiệu bộ Trường Cao đẳng Y tế	Đông Hà	19-21	2511/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7.000	7.000	1.000	787	787	-	
-	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Hữu Thiện	Triệu Phong	18-20	2508/QĐ-UBND 30/10/2018	6.500	6.500	835	654	654	-	
-	Trường THPT Nguyễn Huệ, Thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị	19-21	2008/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Tx Q.Trị	4.154	4.154	1.389	1.389	1.389	-	
-	Nhà học thực hành trường THPT Thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị	20-22	1438/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	9.828	9.828	6.617	6.617	6.617	-	
-	Trường THCS&THPT Cồn Tiên, huyện Gio Linh	Gio Linh	21-23	100/NQ-HĐND 9/12/2020	14.900	14.900	14.900	14.367	14.367	-	
-	Trường THCS&THPT Bến Quan, huyện Vĩnh Linh, Hạng mục: Nhà học thực hành	Vĩnh Linh	21-23	101/NQ-HĐND 09/12/2020	14.900	14.900	14.900	13.680	13.680	-	
-	Trường THPT Cam Lộ, Hạng mục: Nhà hiệu bộ và Nhà đa chức năng	Cam Lộ	22-24	42/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện CL	12.000	10.000	10.000	10.233	10.233	-	
-	Trang thiết bị dạy học trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Đông Hà	22-24	114/NQ-HĐND 30/8/2021	4.000	4.000	4.000	6.199	5.640	(559)	ĐA hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Trường THPT Triệu Phong, Hạng mục: Nhà chức năng, nhà học lý thuyết và thực hành	Triệu Phong	22-24	67/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của huyện TP	10.000	8.000	8.000	8.000	8.000	-	
-	Cải tạo nhà học đa năng Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị	Đông Hà	22-24	134/NQ-HĐND 30/8/2021	3.550	3.550	3.550	3.550	3.315	(235)	ĐA hoàn thành
-	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị, Hạng mục: Xây mới Giảng đường đa năng, Cải tạo và mở rộng Nhà hiệu bộ, Cải tạo Khối phòng học	Đông Hà	22-24	120/NQ-HĐND 30/8/2021	24.414	19.214	19.214	19.214	18.199	(1.015)	ĐA hoàn thành
-	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị	Toàn tỉnh	22-25	115/NQ-HĐND 30/8/2021	104.896	104.896	104.896	104.896	94.794	(10.102)	Đã bổ sung từ nguồn vượt thu XSKT
-	Trường trung cấp nghề giao thông vận tải Quảng Trị; hạng mục: Nhà hiệu bộ	Đông Hà	22-24	119/NQ-HĐND 30/8/2021	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	-	
-	Trường Tiểu học và THCS Gio Hải (cơ sở 2)	Gio Linh	24-25	2710/QĐ-UBND ngày 13/11/2024	64.037	64.037		3.536	3.536	-	ĐA bố trí từ nguồn đất
-	Hỗ trợ phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú				45.300	38.500	38.500	38.108	38.108	(0)	
+	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Vĩnh Linh, hạng mục: Nhà nội trú	Vĩnh Linh	21-23	4193/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện VL	11.000	9.000	9.000	9.000	9.000	-	
+	Trường PTDT bán trú Tiểu học Vĩnh Hà; Hạng mục: Nhà 2 tầng, 6 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	23-25	19/NQ-HĐND 24/6/2021 của huyện VL	5.500	5.000	5.000	4.865	4.865	-	
+	Trường PTDT Nội trú Gio Linh; hạng mục: xây mới nhà ở nội trú, cải tạo sửa chữa nhà học 2 tầng và chính trang khuôn viên	Gio Linh	22-24	15.1/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện GL	13.500	11.500	11.500	11.500	11.500	-	
+	Trường PTDT BT TH&THCS Hướng Lập, hạng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	Hướng Hóa	23-25	50/NQ-HĐND 12/8/2021 của huyện HH	6.000	5.000	5.000	4.743	4.743	-	
+	Trường PTDT BT TH&THCS Ba Tầng, hạng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	Hướng Hóa	23-25	50/NQ-HĐND 12/8/2021 của huyện HH	6.000	5.000	5.000	5.000	5.000	(0)	
+	Trường PTDTBT THCS Tà Long, hạng mục: Nhà hiệu bộ	Đakrông	23-25	18/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của huyện Đakrông	3.300	3.000	3.000	3.000	3.000	(0)	
1.2	Cấp huyện										
-	Huyện Hướng Hóa						178.600	177.842	173.493	(4.349)	
-	Huyện Đakrông						25.500	25.165	24.702	(463)	
							21.900	21.900	21.813	(87)	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Huyện Cam Lộ						17.000	17.000	16.068	(932)	
-	Huyện Hải Lăng						19.000	19.000	18.876	(124)	
-	Huyện Triệu Phong						19.700	19.700	19.700	-	
-	Huyện Vĩnh Linh						20.200	19.777	19.777	-	
-	Huyện Gio Linh						19.700	19.700	19.700	-	
-	TX Quảng Trị						15.000	15.000	15.000	-	
-	TP Đông Hà						20.600	20.600	17.857	(2.743)	
2	Khoa học công nghệ						44.650	44.650	43.381	(1.269)	
-	Trạm ứng dụng Khoa học công nghệ Bắc Hướng Hóa	Hướng Hóa	17-19	2756/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	19.129	19.129	1.100	1.100	1.100	-	
-	Thiết bị đo lường thử nghiệm phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa tại khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo	Hướng Hóa	16-16	2755/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	27.000	25.246	418	418	418	-	
-	Đầu tư thiết bị đo lường, thử nghiệm và thiết bị công nghệ sinh học (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh	21-23	99/NQ-HĐND 9/12/2020 1338/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	25.616	22.500	22.500	22.500	22.143	(357)	DA hoàn thành
-	Đầu tư thiết bị đo lường, thử nghiệm và thiết bị công nghệ sinh học (giai đoạn 2)	Toàn tỉnh	23-25	116/NQ-HĐND 30/8/2021	22.761	20.632	20.632	20.632	19.720	(912)	DA hoàn thành
II	ĐẦU TƯ CÁC KHOẢN THUỘC TRÁCH NHIỆM CHUNG CỦA TỈNH						536.480	455.490	428.299	(27.191)	
1	Nhiệm vụ quy hoạch						100.000	100.000	99.000	(1.000)	
2	Ưu đãi đầu tư						10.000	5.000	2.700	(2.300)	
3	Đổi ứng các dự án ODA						426.480	350.490	326.599	(23.891)	
-	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	2020-2024	710/QĐ-UBND ngày 02/4/2019	151.049	31.035	26.270	26.270	26.270	(0)	
-	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Trị (JICA)	HH, GL, HL, TP	2012-2021	1405/QĐ-UBND ngày 08/8/2012; 3728/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	225.180	22.365	10.584	1.227	1.227	-	
-	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	VL, GL, TP, HL	2019-2023	1486/QĐ-UBND ngày 18/6/2019	248.443	72.982	64.684	40.625	37.944	(2.681)	DA hoàn thành
-	Tiểu Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	HH, HL, GL	2018-2020	1651/QĐ-TTg ngày 27/10/2017; 1740/QĐ-TTg ngày 13/12/2018; 346/QĐ-UBND ngày 21/2/2019	76.993	11.993	3.500	3.500	3.500	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	ĐH, LB	2013-2021	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016; 1073/QĐ-UBND ngày 13/5/2019	2.446.067	216.645	54.860	54.860	54.860	-	
-	Dự án Đường nối Cầu Đại Lộc với Quốc lộ 1A	ĐH, TP	2013-2020	1636/QĐ-UBND ngày 11/9/2013 1750/QĐ-UBND ngày 28/6/2017	49.739	22.387	590	590	47	(543)	ĐA hoàn thành
-	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	VL, CL, GL, ĐK, HH, TP, HL	2016-2021	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016	219.110	16.110	3.960	2.989	2.989	-	
-	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	TP, HL, GL, VL, CL, ĐK, HH	2018-2023	998/QĐ-UBND ngày 15/5/2017; 1134/QĐ-UBND ngày 25/5/2018	998.152	119.604	71.895	118.065	117.391	(674)	
-	Dự án cấp nước xã Vĩnh Long, Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2013-2015	1224/QĐ-UBND ngày 13/7/2010; 1013/QĐ-UBND ngày 28/5/2014	14.008	4.361	1.000	0	0	-	
-	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 - tiểu dự án Quảng Trị	Gio Linh	2018-2024	1381/QĐ-TTg ngày 18/10/2018, 2484/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	258.111	41.068	39.137	33.982	33.982	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Nâng cấp cơ sở vật chất ngành y tế	Toàn tỉnh	2014-2024	2787/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	68.779	7.662		6.761	4.189	(2.572)	ĐA hoàn thành
-	Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà	Đông Hà	2024-2027	2469/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	1.152.920	192.230		22.210	18.666	(3.544)	ĐA 2 kỳ trung hạn
-	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội và phục hồi chức năng dành cho người khuyết tật tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	2022-2026	16/NQ-HĐND ngày 28/3/2023	293.311	15.510		7.676	3.900	(3.776)	ĐA 2 kỳ trung hạn
-	Nâng cao năng lực thu gom, xử lý chất thải rắn bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị	Gio Linh, Vĩnh Linh	2024-2026	64/NQ-HĐND ngày 25/9/2024	45.000	8.426		5.056	2.500	(2.556)	ĐA 2 kỳ trung hạn
-	Cấp nước sạch và Quản lý tài nguyên nước tại ba xã miền núi Cam Chính - Cam Nghĩa - Cam Tuyền, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	Cam Lộ	2024-2026	65/NQ-HĐND ngày 25/9/2024	37.296	7.479		5.000	2.200	(2.800)	ĐA 2 kỳ trung hạn
-	Cải tạo vỉa hè đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà	Đông Hà	2025	76/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	126.500	16.500		16.500	15.300	(1.200)	Đã bố trí đủ vốn
-	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Quảng Trị	Bến Hải, Bến Quan, Vĩnh Linh, Vĩnh Hoàng, Vĩnh Thủy, Hiếu Giang, Gio Linh, Nam Hải Lăng, Khe Sanh và phường Đông Hà	2017-2023	1241/QĐ-UBND ngày 06/6/2018	222.211	13.717		1.634	1.634	-	
-	Các dự án mới giai đoạn 2021-2025 (chưa giao)						150.000	3.545		(3.545)	
III	DỰ PHÒNG CHUNG						223.290	43.113	32.935	(10.178)	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1	Gio Linh, Cam Lộ	11,5 km (giai đoạn 1: 4,3 km)	156/NQ-HĐND ngày 9/12/2023 73/NQ-HĐND ngày 24/10/2023	89.689	40.649		24.174	24.174	-	
-	Đường nối cầu An Mỏ vào khu lưu niệm Tổng bí thư Lê Duẩn	Triệu Phong	7,143 km	25/NQ-HĐND ngày 31/5/20222	74.495	6.895		11.761	8.761	(3.000)	Đã bố trí đủ vốn
-	Chưa giao chi tiết							7.178	-	(7.178)	
IV	PHÂN CẤP QUẢN LÝ										
1	Cấp huyện quản lý						981.980	1.240.528	1.122.440	(118.087)	
-	Thành phố Đông Hà						392.792	392.792	362.186	-30.606	
-	Thị xã Quảng Trị						32.187	32.187	29.678	(2.509)	
-	Huyện Vĩnh Linh						27.501	27.501	25.359	(2.142)	
-	Huyện Hướng Hóa						44.287	44.287	40.837	(3.450)	Trung ương giao thiếu so với trung hạn
-	Huyện Gio Linh						56.310	56.310	51.923	(4.387)	nên giảm
-	Huyện Đakrông						43.477	43.477	40.088	(3.389)	tương ứng với
-	Huyện Cam Lộ						48.156	48.156	44.403	(3.753)	tỷ lệ trung hạn
-	Huyện Triệu Phong						37.275	37.275	34.370	(2.905)	HĐND tỉnh
-	Huyện Hải Lăng						43.262	43.262	39.893	(3.369)	giao
-	Huyện đảo Côn Cỏ						41.684	41.684	38.435	(3.249)	
2	Cấp tỉnh quản lý						18.653	18.653	17.200	(1.453)	
-	Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu ven biển						589.188	847.736	760.254	-87.481	
-	Cầu Cam Hiếu						60	60	60	-	Hoàn trả ứng trước
-	Chuẩn bị đầu tư						4.800	4.800	4.800	-	Hoàn trả ứng trước
-	Quyết toán công trình						20.000	7.530	7.530	-	
							98.000	93.000	48.169	(44.831)	Không thực hiện
-	Nâng cấp mặt đường từ Sa Trầm xã Ba Nang đi Pa Lin xã A Vao (giai đoạn 2)	Đakrông	16-21	2375/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 1808/QĐ-UBND 12/7/2021	98.000	4.000	4.000	7.478	7.478	-	
-	Công trình trận địa chiến đấu phòng không	MẮT	20-21	MẮT	9.200	4.800	2.400	2.400	2.400	-	
-	Đường hầm sơ chỉ huy thống nhất thời chiến của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Trị (Mật danh: CH5-02) (giai đoạn 2)	Đakrông	21-23	97/NQ-HĐND 9/12/2020 66/QĐ-UBND 5/5/2021	31.000	31.000	13.000	15.936	15.936	-	
-	Trường bản huyện Gio Linh	Gio Linh	21-22	20/NQ-HĐND 25/11/2020 2513/QĐ-UBND 7/7/2021 của huyện GL	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Cơ sở khám chữa bệnh tại thôn Cù Bai, xã Hướng Lập, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	21-22	95/NQ-HĐND 9/12/2020 1213/QĐ-UBND 20/5/2021	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	-	
-	Thiết bị công sự trận địa, Sở chỉ huy trong diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2)	Đakrông	MẬT	MẬT	10.500	10.500		10.500	10.500	-	
-	Chốt chiến đấu dân quân thường trực xã A Ngo, huyện Đakrông	Đakrông	MẬT	MẬT	9.500	9.500		9.500	9.500	-	
-	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	19-21	1711/QĐ-UBND ngày 10/7/2019	7.500	7.500	2.090	2.090	2.000	(90)	ĐA hoàn thành
-	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị	19-22	1071/QĐ-UBND 13/5/2019	10.000	10.000	5.490	5.490	5.473	(17)	ĐA hoàn thành
-	Trụ sở công an xã Ba Tầng, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	22-24	132/NQ-HĐND 30/8/2021	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	-	
-	Nhà làm việc công an quân sự xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	22-23	16/NQ-HĐND 24/6/2021 của huyện VL	1.300	1.200	1.200	1.200	1.200	-	
-	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	22-23	15/NQ-HĐND 24/6/2021 của huyện VL	1.100	1.000	1.000	1.000	1.000	-	
-	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh	24-25	16/NQ-HĐND ngày 10/5/2024	16.500	16.500		270	270	-	
-	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2)	Toàn tỉnh	24-25	46/NQ-HĐND ngày 11/7/2024	24.149	24.149		5.795	360	(5.435)	ĐA dừng thực hiện
-	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện	Toàn tỉnh	23-26	121/NQ-HĐND 30/8/2021	74.500	18.000	18.000	18.000	18.000	-	
-	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh - Hạng mục: Khoa chẩn đoán hình ảnh, Khoa truyền nhiễm	Vĩnh Linh	21-23	4599/QĐ-UBND 283/12/2020 của huyện VL	19.000	16.000	16.000	16.000	16.000	-	
-	Nhà văn hóa huyện Gio Linh	Gio Linh	20-22	3625/QĐ-UBND 30/10/2020 UBND huyện GL	32.240	15.000	14.000	14.000	14.000	-	
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng	Hải Lăng	20-22	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 UBND huyện HL	26.682	8.000	6.000	6.000	6.000	-	
-	Đường vào khu di tích quốc gia Thành Tân Sở	Cam Lộ	23-25	40/NQ-HĐND ngày 5/7/2021 của huyện CL	20.000	10.000	10.000	9.767	9.767	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Nhà văn hóa trung tâm thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	22-24	11/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Tx QT	20.000	20.000	20.000	30.000	30.000	-	
-	Đầu tư, tôn tạo di tích lịch sử lưu niệm danh nhân - Mộ Tiến sĩ Bùi Dục Tài	Hải Lăng	Tôn tạo	3190/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	9.000	4.500		4.500	4.500	-	
-	Sửa chữa, nâng cấp Đài tưởng niệm anh hùng đảo Cồn Cỏ	Cồn Cỏ	Cải tạo	02/NQ-HĐND ngày 22/6/2023 huyện đảo CC	3.286	3.000		3.000	3.000	-	
-	Chỉnh trang một số hạng mục thuộc công trình Di tích quốc gia đặc biệt Địa đạo Vịnh Mốc	Vĩnh Linh	Chỉnh trang	111/QĐ-SXD ngày 14/6/2024 của Sở Xây dựng	1.102	1.102		1.205	1.205	-	
-	Chỉnh trang một số hạng mục thuộc công trình Di tích quốc gia đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương – Bến Hải	Vĩnh Linh	Chỉnh trang	108/QĐ-SXD ngày 14/6/2024 của Sở Xây dựng	1.179	1.179		1.203	1.203	-	
-	Chỉnh trang các hạng mục thuộc công trình Di tích quốc gia đặc biệt Thành Cổ Quảng Trị	TX Quảng Trị	Chỉnh trang	107/QĐ-SXD ngày 13/6/2024 của Sở Xây dựng	1.189	1.189		1.205	1.205	-	
-	Chỉnh trang các hạng mục thuộc công trình Bảo tàng tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	Chỉnh trang	110/QĐ-SXD ngày 14/6/2024 của Sở Xây dựng	1.218	1.218		1.239	1.239	-	
-	Chỉnh trang các hạng mục thuộc công trình Trung tâm Văn hóa Điện ảnh tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	Chỉnh trang	106/QĐ-SXD ngày 13/6/2024 của Sở Xây dựng	1.196	1.196		1.196	1.196	-	
-	Đầu tư cơ sở vật chất đài truyền thanh cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	22-24	117/NQ-HĐND 30/8/2021	15.000	15.000	15.000	15.000	14.004	(996)	ĐA hoàn thành
-	Nhà đặt máy phát thanh, truyền hình tại Trung tâm truyền hình kỹ thuật số	Đông Hà	22-23	118/NQ-HĐND 30/8/2021	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	-	
-	Hệ thống tuyến ống dẫn nước thải cụm công nghiệp Diên Sanh	Hải Lăng	22-24	8b/NQ-HĐND ngày 23/6/2021	13.500	10.000	10.000	10.000	10.000	-	
-	Nâng cấp, hoàn thiện bãi chôn lấp bãi rác thành phố Đông Hà	Đông Hà	23-25	2700/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của TP Đông Hà	20.000	12.000		12.000	12.000	-	
-	Hỗ trợ 09 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đăng ký đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025						0	36.000	36.000	-	
-	Hồ sinh thái đập dâng Khe Ruôi, thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông (giai đoạn 1)	Đakrông	23-25	2083/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của huyện ĐK	29.500	20.000		20.000	20.000	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Vĩnh Định đoạn qua đội 3, thôn Vân Hòa, xã Triệu Hòa, huyện Triệu Phong và thôn Kinh Duy, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	2025	2017/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 2166/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	5.000	5.000		5.000	5.000	-	
-	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Thạch hân đoạn qua bến thả hoa Như Lệ, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	2023-2024	06/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 72/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	5.964	1.052		1.053	1.053	-	
-	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Thạch Hân đoạn qua hạ lưu bên thả hoa Như Lệ, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	2023-2024	07/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 73/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	5.469	602		602	602	-	
-	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2020	Toàn tỉnh	2014-2021	2393/QĐ-UBND 30/10/2014 842/QĐ-UBND 24/4/2017	71.000	11.000	2.000	2.000	2.000	-	
-	Nâng cấp hệ thống đường giao thông TX Quảng Trị	TX Quảng Trị	18-22	1915/QĐ-UBND 12/7/2017 69/NQ-HĐND 10/11/2020	119.856	50.000	26.000	26.000	26.000	-	
-	Đường tránh lũ, cứu hộ và phát triển kinh tế phía Tây huyện Triệu Phong và phía Nam huyện Cam Lộ	Triệu Phong	44521	247/QĐ-UBND 15/2/2011 1511/QĐ-UBND 22/7/2014	350.000	25.820	4.000	4.000	3.951	(49)	ĐA hoàn thành
-	Nâng cấp hệ thống đường liên thôn xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	19-21	1964/QĐ-UBND 29/7/2019	7.200	3.000	2.000	2.000	1.747	(253)	ĐA hoàn thành
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông	Đakrông	18-21	2513/QĐ-UBND 30/10/2018	19.060	9.000	3.000	3.000	3.000	-	
-	Cầu sông Hiếu và đường hai đầu cầu	Đông Hà, Cam Lộ	2 cầu và 5.936m đường	896/QĐ-UBND ngày 26/5/2010; 426/QĐ-UBND ngày 08/3/2017	588.796	82.707		17.100	17.100	-	
-	Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu - giai đoạn 1	Đông Hà			175.000	125.000		1.780	1.780	-	
-	Đường giao thông liên thôn Mã Lai-Tân Pun, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	22-24	133/NQ-HĐND 30/8/2021	8.500	8.300	8.300	7.780	7.770	(10)	ĐA hoàn thành
-	Đường Dương Văn An (kéo dài), thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ	Cam Lộ	21-23	30/NQ-HĐND 4/12/2020 của huyện CL	27.000	16.000	16.000	16.000	16.000	-	
-	Hệ thống điện chiếu sáng khu vực nội thị thị trấn Gio Linh	Gio Linh	24-25	15/NQ-HĐND 24/6/2021 của huyện GL	4.850	3.000	3.000	3.000	3.000	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống điện chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông (giai đoạn 2)	Đakrông	23-25	13/NQ-HĐND 30/6/2021 của huyện ĐK	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	-	
-	Nâng cấp đường Lê Hồng Phong, thị trấn Hồ Xá; Hạng mục: Nâng cấp nền mặt đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè	Vĩnh Linh	23-24	2209/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của huyện VL	7.200	7.000		7.000	7.000	-	
-	Nâng cấp đường nội thị Khóm 2, thị trấn Bến Quan; Hạng mục: Nâng cấp nền mặt đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè	Cam Lộ	23-24	2150/QĐ-UBND ngày 8/8/2023 của huyện VL	3.200	3.000		3.000	3.000	-	
-	Khắc phục, sửa chữa đường An Thái - Bàn Chùa	Cam Lộ	23-25	1256/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của huyện CL	30.000	10.000		10.000	10.000	-	
-	Đường liên thôn kết nối Quốc lộ 9, xã Tân Liên, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	23-25	2376/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của huyện HH	11.000	10.000		10.000	10.000	-	
-	Tuyến đường kết nối từ công phụ Trung tâm hành hương đức mẹ La Vang đến cụm công nghiệp Hải Lệ và bãi đỗ xe số 01 theo quy hoạch đô thị La Vang	Hải Lăng	2024-2025	3197/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	35.800	35.800		2.752	2.752	-	
-	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tân Liên – Thuận (ĐH.86), đoạn qua xã Tân Liên	Hướng Hoá	2023-2025	2178/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	30.000	12.000		2.000	2.000	-	
-	Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, TX Quảng Trị	TXQT, Triệu Phong	2018-2024	2514/QĐ-BQLDA ngày 30/10/2018, 2639/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	80.000	30.000		15.000	15.000	-	
-	Xây dựng các cầu vượt lư trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa	Hướng Hoá	2023-2025	1417/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	26.800	21.800		19.230	19.230	-	
-	Đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - giai đoạn 1	VL, GL, TP, ĐH	21-26	4282/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	2.060.000	416.388		23.000	23.000	-	Tái định cư
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2023-2025	số 4056/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	14.990	14.990		5.000	5.000	-	
-	Via hè và hệ thống thoát nước đường Lê Lợi, TP Đông Hà	Đông Hà	2022-2025	796/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của TP Đông Hà	19.000	16.000		5.500	5.500	-	
-	Hệ thống thoát nước khu vực trường THCS Phan Đình Phùng và khu phố 2 phường 5	Đông Hà	2022-2024	1138/QĐ-UBND ngày 01/6/2022	56.200	20.000		5.899	5.899	-	
-	Xây dựng CSHT CCN Hải Chánh; hạng mục tuyến đường RD5	Hải Lăng	20-21	1588/QĐ-UBND ngày 23/6/2020	4.335	3.000	1.800	1.800	1.800	-	
-	Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Hải Chánh	Hải Lăng	23-25	8c/NQ-HĐND ngày 23/6/2021 của huyện HL	13.000	10.000	10.000	10.000	10.000	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Hệ thống xử lý nước thải Cụm công nghiệp Hải Lệ, thị xã Quảng Trị (giai đoạn 1)	Quảng Trị	22-24	12/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của TX Q. Trị	4.290	3.000	3.000	3.000	248	(2.752)	
-	Hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp Cam Thành, huyện Cam Lộ	Cam Lộ	23-25	41/NQ-HĐND ngày 05/7/2021 của huyện CL	3.500	3.000	3.000	3.000	3.000	-	
-	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Long, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	22-24	50/NQ-HĐND 12/8/2021 của huyện HH	5.000	3.000	3.000	1.740	1.740	-	
-	Chợ Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ	Cam Lộ	22-24	37/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện CL	3.000	1.500	1.500	1.500	1.500	-	
-	Hệ thống cấp nước tập trung huyện đảo Côn Cỏ (giai đoạn 2)	Côn Cỏ	21-23	08/NQ-HĐND 25/11/2020 của huyện CC	17.171	15.500	15.500	15.500	15.500	-	
-	Hệ thống cấp nước tập trung vùng nông thôn	HH, ĐK, HL, CL	22-25	4100/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	60.000	60.000		32.761	32.761	-	
-	Điều chỉnh mở rộng bãi tắm Cửa Việt thuộc khu dịch vụ - dịch lịch Cửa Việt	Gio Linh	23-25	15/NQ-HĐND ngày 28/6/2023 của huyện GL	28.695	2.500		2.500	2.500	-	
-	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	18-22	2782/QĐ-UBND 31/10/2017	46.922	8.500	800	800	800	-	
-	Xây dựng CSHT khu tái định cư Phường 3, thành phố Đông Hà (giai đoạn 2)	Đông Hà	2,7ha	2737/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	28.000	25.000		25.000	25.000	-	
-	Cải tạo cảnh quan Hồ Sắc Tứ, thị trấn Ái Tử	Triệu Phong	1,1km	3486/QĐ-UBND Ngày 29/12/2023 của huyện TP	25.000	10.000		10.000	10.000	-	
-	Hạ tầng khu tái định cư tại xã Trung Giang, huyện Gio Linh	Gio Linh	02 khu ĐDC	2971/QĐ-UBND Ngày 01/8/2022	518.000	7.500		7.500	7.500	-	
-	Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Toàn tỉnh	21-25				4.000	5.500	5.500	-	
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Sở Tài nguyên Môi trường	Đông Hà	20-21	2065/QĐ-UBND 29/7/2020	7.000	2.000	2.000	2.000	2.000	-	
-	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	Đông Hà	21-22	96/NQ-HĐND 9/12/2020	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	-	
-	Trụ sở làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Trị	Đông Hà	21-23	28/NQ-HĐND 12/5/2021	30.000	30.000	30.000	30.000	0	(30.000)	DA chưa được phê duyệt
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ	Đông Hà	22-23	124/NQ-HĐND 30/8/2021	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	-	
-	Sửa chữa trụ sở UBND tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	22-24	130/NQ-HĐND 30/8/2021	30.000	30.000	30.000	40.000	40.000	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Hội trường Huyện ủy Cam Lộ	Cam Lộ	22-24	39/NQ-HĐND 5/7/2021 của huyện CL	14.600	8.000	8.000	8.000	8.000	-	
-	Trụ sở UBND xã Triệu Nguyên, huyện Đakrông	Đakrông	22-24	37/NQ-HĐND 29/7/2021 của huyện ĐK	7.300	6.500	6.500	6.500	6.452	(48)	DA hoàn thành
-	Hội trường huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đakrông	Đakrông	21-23	119/NQ-HĐND 4/12/2020 của huyện ĐK	7.000	5.500	5.500	5.500	5.500	-	
-	Nhà công vụ huyện Đakrông	Đakrông	23-24	15/NQ-HĐND 30/6/2021 của huyện ĐK	5.000	4.500	4.500	4.500	4.500	-	
-	Đầu tư xây dựng trường chính trị Lê Duẩn (giai đoạn 1)	Đông Hà	2024-2026	96/NQ-HĐND 6/12/2024	10.000	3.000		3.000		(3.000)	DA dừng thực hiện
-	Sửa chữa trụ sở làm việc và kho lưu trữ các chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	VL, HH, ĐK, CL, QT	2022-2024	144/NQ-HĐND ngày 15/11/2021	3.810	3.810		3.800	3.800	-	
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh	Đông Hà	2024-2025	107/Q-HĐND ngày 07/12/2024	6.200	6.200		5.520	5.520	-	
	Trụ sở làm việc xã Xy	Hương Hóa	2023-2025	20/NQ-HĐND ngày 30/8/2023 của huyện HH	5.386	4.847		971	971	-	
-	Cơ quan Đảng, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội huyện Hải Lăng	Hải Lăng	2023-2025	15/NQ-HĐND ngày 28/6/2023 huyện Hải Lăng	32.945	10.000		4.500	4.500	-	
-	Chi thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại						12.000	12.000	12.000	-	
-	Đổi ứng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							5.784	5.784	-	
-	HĐND tỉnh giao khi đủ điều kiện						92.748	0	0	-	

PHỤ LỤC 03: ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH QUẢN LÝ CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ CŨ ĐÃ PHÂN BỐ HÀNG NĂM

(Kèm theo Tờ trình số 21/PT-UBND ngày 28/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
TỔNG SỐ											
I	NGUỒN THU TỪ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở						3.300.000	2.920.293	1.668.170	(1.252.123)	
1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất						337.500	301.579	201.189	(100.390)	
2	Bố trí các công trình phát triển quỹ đất						1.057.500	943.126	573.516	(369.610)	
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	2016-2024	2372/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 1829/QĐ-UBND ngày 04/8/2016; 933/QĐ-UBND ngày 26/4/2019	251.951	251.951	62.000	68.905	68.604	(301)	DA hoàn thành
-	Đường Vành đai cứu hộ cứu nạn phía Tây thành phố Đông Hà (giai đoạn 1)	Đông Hà	2011-2024	1433/QĐ-UBND ngày 05/08/2010; 3389/QĐ-UBND ngày 08/12/2017	189.127	158.708	5.000	5.000	3.799	(1.201)	DA hoàn thành
-	Khu đô thị phía Đông đường Thành Cổ	Đông Hà	2017-2022	2784/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 369/QĐ-UBND ngày 25/2/2019	56.078	56.078	2.000	2.000	1.736	(264)	DA hoàn thành
-	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	Đông Hà	2020-2025	2985/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	443.876	443.876	385.000	385.000	307.176	(77.824)	DA hoàn thành
-	Via hè các tuyến đường Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 1	Đông Hà	2020-2021	213/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	7.890	7.890	4.800	4.543	4.542	(1)	Đã bố trí đủ vốn
-	Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3	Đông Hà	2011-2021	1609/QĐ-UBND ngày 05/8/2011; 2006/QĐ-UBND ngày 27/9/2007	334.014	334.014	7.000	8.100	8.018	(82)	DA hoàn thành
-	Khu đô thị Tân Vĩnh	Đông Hà	2022-2025	4640/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	60800	60.800	60.200	60.200	52.200	(8.000)	DA hoàn thành
-	Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà	Đông Hà	2022-2026	34/QĐ-UBND ngày 09/01/2023	546.680	546.680	485.000	305.985	45.983	(260.002)	DA đã điều chỉnh và ứng quỹ PTĐ
-	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà	Đông Hà	2021-2022	472/QĐ-UBND ngày 01/3/2021	18.476	18.476	18.000	8.783	8.773	(10)	Đã bố trí đủ vốn
-	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ Khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	2021-2022	2307/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	22.270	22.270	22.000	22.000	19.076	(2.924)	DA hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Công viên mini Phường 2, thành phố Đông Hà	Đông Hà	2020-2021	1230/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	7.300	7.300	6.500	5.218	5.213	(5)	Đã bố trí đủ vốn
-	Công viên thành phố Đông Hà	Đông Hà	2016-2018	2354/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 480/QĐ-UBND ngày 07/3/2017	137968	107.968		210	209	(1)	Đã bố trí đủ vốn
-	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3 (khu đất có ký hiệu CC-4)	Đông Hà	1,39ha	703/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	48	48		48	0	(48)	Sau sáp nhập tỉnh nhu cầu bố trí định cư không còn phù hợp nên không thực hiện
-	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 2, 3	Đông Hà	17,394ha	2550/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	400	400		400	0	(400)	
-	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực đường An Dương Vương, thành phố Đông Hà	Đông Hà	13,24 ha	2529/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	310	310		390	287	(103)	
-	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cơ sở hạ tầng khu dân cư Thượng Nghĩa, phường Đông Giang, thành phố Đông Hà (khu tái định cư)	Đông Hà	7,0ha	592/QĐ-UBND ngày 31/3/2022	540	540		540	0	(540)	
-	Quy hoạch các điểm thuộc địa bàn huyện Gio Linh dọc theo tuyến Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị	Gio Linh	300ha		5.000	5.000		2.000	0	(2.000)	
-	Quy hoạch các điểm thuộc địa bàn huyện Triệu Phong dọc theo tuyến Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị	Triệu Phong	500ha		3.500	3.500		1.500	0	(1.500)	
-	Lát vỉa hè các tuyến đường còn lại khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 1	Đông Hà	2023-2025	1311/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	23.612	23.612		23.612	18.450	(5.162)	DA hoàn thành
-	Xây dựng chỉnh trang, hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 2	Đông Hà	2023-2025	1605/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	38.692	38.692		38.692	29.450	(9.242)	DA hoàn thành
3	Bố trí cho các công trình phát triển KTXH khác						855.000	765.821	449.897	(315.924)	
-	Đường Trường Chinh, thành phố Đông Hà (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Hùng Vương)	Đông Hà	0,7km	2335/QĐ-UBND ngày 04/9/2019; 3130/QĐ-UBND ngày 18/11/2019	14.893	14.893	4.500	7.329	5.917	(1.412)	DA hoàn thành
-	Điện chiếu sáng đường Trần Bình Trọng (đoạn từ QL.9 đến đường Điện Biên Phủ)	Đông Hà	3,1km	7173/QĐ-UBND ngày 20/11/2019; 1966/QĐ-UBND ngày 23/7/2020	8.495	8.495	3.000	970	961	(9)	DA hoàn thành
-	Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến QL.9)	Đông Hà	0,7km	2323/QĐ-UBND ngày 18/8/2020; 2940/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	63.100	63.100	49.100	44.122	41.482	(2.640)	DA hoàn thành
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Sở Tài nguyên Môi trường	Đông Hà		2065/QĐ-UBND ngày 29/7/2020	7.000	7.000	1.000	1.000	1.000	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Cải tạo nhà khách Tỉnh uỷ Quảng Trị	Đông Hà		1131/QĐ-UBND ngày 05/5/2020	13.789	10.789	10.700	10.000	10.000	-	
-	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc các Ban Đảng, nhà công vụ	Đông Hà		3495/UBND-TH ngày 03/8/2020	13000	13.000	13.000	9.000	8.939	(61)	DA hoàn thành
-	Đường và cầu Trung Yên, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	2019-2021				2.100	2.100	1.872	(228)	DA hoàn thành
-	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	ĐH, LB	2013-2021	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016; 1073/QĐ-UBND ngày 13/5/2019	2.446.067	216.645	150.447	100.447	89.773	(10.674)	DA hoàn thành
	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị	TP, HL, GL, VL, CL, ĐK, HH	2018-2023	998/QĐ-UBND ngày 15/5/2017; 1134/QĐ-UBND ngày 25/5/2018	998152	119.604		50.000	42.901	(7.099)	DA đang trình gia hạn Hiệp định
-	Cơ sở hạ tầng Khu Tái định cư Lao Bảo - Tân Thành (giai đoạn 2013-2015)	Hướng Hóa	19-20	2630/QĐ-UBND ngày 30/12/2010; 2812/QĐ-UBND ngày 28/12/2012	59.412	14.360	2.500	2.500	2.500	-	
-	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường trung tâm (thuộc dự án CSHT KCN Quán Ngang)	Gio Linh	18-19	3183/QĐ-UBND ngày 31/12/2018	5.818	800	800	800	800	-	
-	Hệ thống xử lý nước thải KCN Quán Ngang	Gio Linh	16-24	614/QĐ-UBND ngày 29/6/2016; 1631/QĐ-UBND ngày 5/7/2024	104.000	8.700	3.200	3.200	3.200	-	
-	Đường nối KCN Đông Nam Quảng Trị đến cảng Cửa Việt (đường trung tâm trục dọc KKT Đông Nam, tỉnh Quảng Trị)	TP, HL	2017-2024	2986/QĐ-UBND ngày 30/10/2017, 1752/QĐ-UBND ngày 9/7/20216974/UBND-KT ngày 29/12/2023	630.000	13.400	13.400	13.400	13.400	(0)	
-	Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, TX Quảng Trị	TXQT, Triệu Phong	18-24	2514/QĐ-BQLDA ngày 30/10/2018, 2639/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	80.000	30.000	45.000	30.000	14.096	(15.904)	Giãn tiến độ thực hiện theo thực tế nguồn thu
-	Hỗ trợ ưu đãi đầu tư	Toàn tỉnh			5000	5.000	5.000	5.000	1.000	(4.000)	Không thực hiện
-	Cầu Bến Lội, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	2021-2023	1881/QĐ-UBND ngày 16/7/2020	19000	19.000	18.000	18.000	11.844	(6.156)	DA hoàn thành
-	Cầu qua sông Nhùng và đường hai đầu cầu, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	2021-2023		5.000	5.000	5.000	5.000	4.898	(102)	DA hoàn thành
-	Via hè đường Lý Thường Kiệt, TP Đông Hà	Đông Hà	2022-2024	2999/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của TP Đông Hà	20000	20.000	18.000	18.000	17.596	(404)	DA hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Via hè đường Hùng Vương (đoạn từ Ngô Quyền đến Lý Thường Kiệt)	Đông Hà	2,4km	11/NQ-HĐND ngày 21/4/2020	14.900	14.900	14.900	14.900	0	(14.900)	Không thực hiện
-	Công viên đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà	Đông Hà	5,0ha	125/NQ-HĐND ngày 30/8/2021	18.000	18.000	18.000	761	511	(251)	ĐA hoàn thành
-	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Liên, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	20-23	3234/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	10.000	2.000	1.000	1.000	997	(3)	ĐA hoàn thành
-	Cầu Kêng mới, xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	20-21	65/NQ-HĐND ngày 10/11/2020	4.500	4.000	4.000	4.000	3.792	(208)	ĐA hoàn thành
-	Hoàn thiện hạ tầng đường Trần Bình Trọng (đoạn từ đường NTT đến đường Điện Biên Phủ)	Đông Hà	2,4 km	4047/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	9.860	9.860	9.500	9.500	9.214	(286)	ĐA hoàn thành
-	Tạo mặt bằng sạch tại thửa đất số 383 (154a), tờ bản đồ số 30 của bà Lê Thị Cúc, trú tại khu phố 2 phường Đông Lê	Đông Hà			2.200	2.200	2.200	2.200	2.200	-	
-	Đường nối từ cầu chui đường sắt (tại nút giao ĐT575a với quốc lộ 1) đi ĐT575b, huyện Gio Linh	Gio Linh			6.500	6.500	6.500	6.500	6.500	-	
-	Mô hình điểm trung chuyển rác, xử lý rác tại các xã thuộc địa bàn huyện Hải Lăng, Vĩnh Linh, Triệu Phong	HL, VL, TP	2022-2024	845/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	11.508	11.508	14.600	14.600	10.200	(4.400)	Giãn tiến độ thực hiện theo tiến độ nguồn thu
-	Via hè và hệ thống thoát nước đường Trần Cao Vân, TP Đông Hà	Đông Hà	2022-2023	3557/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của TP Đông Hà	12.000	10.000	10.000	7.000	5.563	(1.437)	ĐA hoàn thành
-	Đường Trường Chinh nối dài (đoạn từ đường Nguyễn Du đến đường Nguyễn Chí Thanh)	Đông Hà	2023-2025		3.000	3.000		3.000		(3.000)	ĐA chưa phê duyệt
-	Đường Trần Quang Khải nối dài (đoạn từ đường Hàn Mặc Tử đến đường Lê Thánh Tông)	Đông Hà	2022-2024	304/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 của TP Đông Hà	20.000	16.000	16.000	16.000	4.253	(11.747)	Giãn tiến độ thực hiện theo tiến độ nguồn thu
-	Via hè và hệ thống thoát nước đường Lê Lợi, TP Đông Hà	Đông Hà	2022-2024	796/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của TP Đông Hà	19.000	16.000	16.000	16.000	7.500	(8.500)	Bổ trí từ nguồn NSCD 5 tỷ và giãn tiến độ
-	GPMB khu vực hồ nuôi tôm Lập Thạch, phường 2, thành phố Đông Hà	Đông Hà	2021-2023		9.200	9.200	9.200	7.277	7.277	-	
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2023-2025	số 4056/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	14.990	14.990	12.000	12.000	7.000	(5.000)	Bổ trí từ nguồn NSCD 5 tỷ đồng
-	Xây dựng lò đốt chất thải rắn sinh hoạt khu vực nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn và vùng lân cận	Gio Linh	22-24	129/NQ-HĐND ngày 30/8/2021	8.414	4.000	4.000	4.000	0	(4.000)	ĐA không thực hiện
-	Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Đakrông	Đakrông	22-24	3866/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	20.000	20.000	20.000	20.000	12.000	(8.000)	Giãn tiến độ thực hiện theo tiến độ nguồn thu

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thống qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Hệ thống thoát nước khu vực trường THCS Phan Đình Phùng và khu phố 2 phường 5	Đông Hà	2022-2024	1138/QĐ-UBND ngày 01/6/2022	56.200	20.000	20.000	20.000	7.261	(12.739)	Bổ trí từ nguồn NSCĐ 5,9 tỷ và giãn tiến độ
-	Đường Lê Thánh Tông, thành phố Đông Hà (đoạn Lê Lợi - Hùng Vương)	Đông Hà	2022-2025	792/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của TP Đông Hà	89.000	75.000	75.000	75.000	2.267	(72.733)	Giãn tiến độ thực hiện theo tiến độ nguồn thu
-	Hệ thống cấp nước tập trung vùng nông thôn	HH, CL, HL	311	4100/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	60.000	60.000	60.000	27.239	21.714	(5.526)	Giãn tiến độ thực hiện theo tiến độ nguồn thu
-	Xử lý, khắc phục một số điểm đen tiềm ẩn tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh	toàn tỉnh	21-23	2442/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	6.500	3.600	3.600	3.600	3.463	(137)	DA hoàn thành
-	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	toàn tỉnh	2021-2025				20.000	20.000	16.147	(3.853)	Hoàn thành
-	Hỗ trợ huyện Vĩnh Linh đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Vĩnh Linh	2021-2025		10.000	10.000	10.000	10.000	7.670	(2.330)	Tại Nghị quyết số 166a/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh đã thống nhất bố trí từ chuyển nguồn các khoản tiết kiệm chi và các nguồn kinh phí của ngân sách cấp tỉnh năm 2024 sang năm 2025 (đợt 2)
-	Hỗ trợ huyện Gio Linh đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Gio Linh	2021-2025		10.000	10.000	10.000	10.000	7.912	(2.088)	
-	Hỗ trợ huyện Triệu Phong đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Triệu Phong	2021-2025		10.000	10.000	10.000	10.000	7.600	(2.400)	
-	Hỗ trợ huyện Hải Lăng đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Hải Lăng	2021-2025		10.000	10.000	10.000	10.000	6.600	(3.400)	
-	Đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - giai đoạn 1	VL, GL, TP, ĐH	21-26	4282/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	2.060.000	416.388	27.753	27.753	18.044	(9.709)	
-	Xử lý, khắc phục một số điểm đen tiềm ẩn tai nạn giao thông tại nút giao ngã tư Km32+870/Quốc lộ 9D - Đường Trần Phú, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	22	2397/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	1.194	1.194		195	195	-	
-	Xử lý, khắc phục điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông tại nút giao ngã ba Km80+500/QL.9 - Đường Lê Thế Tiết, thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	22	2382/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	945	945		149	149	-	
-	Xử lý, khắc phục điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông tại nút giao ngã tư Km3+890/Quốc lộ 9 - đường Nguyễn Đình Chiểu - đường Nguyễn Văn Trường, thành phố Đông Hà	Đông Hà	22	2381/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	1.202	1.202		199	199	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Xử lý, khắc phục điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông tại nút giao ngã tư Km63+400/QL.9 - Đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa	Hướng Hoá	22	2380/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	1.073	1.073		182	182	-	
-	Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu	Đông Hà	22-26	2956/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	175.000	125.000		81.198	1.310	(79.888)	Tại Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh đã bổ sung 125 tỷ đồng
-	Đường tránh phía Đông TP Đông Hà tỉnh Quảng Trị (đoạn từ nút giao đường Nguyễn Hoàng đến Nam cầu sông Hiếu)	Đông Hà	2023-2025	1954/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	230.000	27.000		10.700	0	(10.700)	DA gặp vướng mắc nên đã giảm kế hoạch 2025
-	HDND tỉnh giao khi đủ điều kiện						106.000	0	0	-	
II	NGUỒN THU TỪ ĐẦU GIÁ, ĐẦU THẦU CÁC KHU ĐẤT CHO NHÀ ĐẦU TƯ SỬ DỤNG						1.030.000	799.767	356.633	(443.134)	
1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất						154.500	119.965	53.495	(66.470)	
2	Dự án phát triển quỹ đất và công trình phát triển KTXH khác						875.500	679.802	303.138	(376.664)	
-	Cầu kết nối khu đô thị Bắc sông Hiếu với trung tâm thành phố Đông Hà	Đông Hà	2018-2021				11.553	11.553	11.553	-	
-	Rà phá bom, mìn, vật liệu nổ Khu A thuộc Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá	Vĩnh Linh	14-15	2244/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	12.465	12.465	2.900	0	0	-	
-	Hệ thống thủy lợi Ba hồ - Bán chùa	Cam Lộ						2.000	2.000	-	
-	Hoàn thiện CSHT một số tuyến chính tại KKT TM Đặc biệt Lao Bảo (giai đoạn 2)						3.947	3.947	3.900	(47)	DA hoàn thành
-	Hệ thống tưới tiêu toàn tỉnh						8.000	8.000	7.748	(252)	DA hoàn thành
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng	Hải Lăng	20-22	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 694/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 UBND huyện HL	37.400	37.400	6.000	6.000	6.000	-	
-	Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Toàn tỉnh					15.000	13.500	3.000	(10.500)	Đã bố trí đủ vốn
-	Nâng cấp đường ĐH43 huyện Triệu Phong	Triệu Phong	2021-2023	1989/QĐ-UBND 22/10/2020 của huyện TP	14.825	14.000	14.000	12.350	9.877	(2.473)	DA hoàn thành
-	Đường gom từ các lối tự mở đến đường ngang qua đường sắt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2022	Toàn tỉnh	21-23	1823/QĐ-UBND ngày 9/7/2020	14.856	10.400	10.300	10.300	10.300	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Xây dựng hệ thống camera giám sát trật tự an toàn giao thông, kết hợp giám sát an ninh trật tự tại các khu vực trọng yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	21-23	2631/QĐ-UBND 30/9/2019	14.997	5.000	5.000	5.000	5.000	-	
-	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt (đoạn Km1+784 - Km2+860), TP Đông Hà	Đông Hà	21-23	2631/QĐ-UBND 30/9/2019	5.000	5.000	5.000	5.000	4.682	(318)	Đã bố trí đủ vốn
-	Đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng)	Đông Hà	2021-2023	3000/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của TP Đông Hà	24.000	20.000	17.000	17.000	17.000	-	
-	Chợ trung tâm khu vực Tà Rụt, huyện Đakrông	Đakrông	21-24	2716/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	5.000	3.000	3.000	3.000	2.940	(60)	Đã bố trí đủ vốn
-	Khen thưởng huyện Cam Lộ đạt chuẩn nông thôn mới	Cam Lộ	21-24	1444/QĐ-UBND 30/7/2021 của huyện CL	10.000	10.000	5.500	5.500	3.500	(2.000)	Đã bố trí từ nguồn tăng thu, TKC năm 2024
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	2022-2024	3975/QĐ-UBND 25/12/2020 của huyện H.Hóa	15.400	9.100	9.100	9.100	9.100	-	
-	Đường hầm sơ chỉ huy thống nhất thời chiến của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Trị (Mật danh: CH5-02) (giai đoạn 2)	Đakrông	21-23	MẬT	31.000	31.000	18.000	15.064	14.000	(1.064)	DA hoàn thành
-	Kênh tiêu thoát nước Khu phố 3 phường An Đôn, TX Quảng Trị (liên kết với khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ)	Quảng Trị	2021-2023	1332/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	5.000	5.000	5.000	5.000	4.900	(100)	DA hoàn thành
-	Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 9 đoạn từ quốc lộ 1A đến cảng Cửa Việt	GL, CL, ĐH	2021-2022	1254/QĐ-UBND ngày 16/5/2022	345.355	345.355	75.000	170.123	10.440	(159.683)	DA xây lắp dừng thực hiện
	Tuyến đường kết nối từ công phụ Trung tâm hành hương đức mẹ La Vang đến cụm công nghiệp Hải Lệ và bãi đỗ xe số 01 theo quy hoạch đô thị La Vang	Hải Lăng	2024-2025	3197/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	35.800	35.800		33.048	33.048	-	
	Trường Mầm non Gio Hải (cơ sở 2)	Gio Hải	2023-2025	130/NQ-HĐND ngày 19/12/23				25.660	13.000	(12.660)	Giãn tiến độ thực hiện theo tiến độ nguồn thu
	Trường Tiểu học và THCS Gio Hải (cơ sở 2)	Gio Hải	2023-2025	131/NQ-HĐND ngày 19/12/23				64.037	29.000	(35.037)	Giãn tiến độ thực hiện theo tiến độ nguồn thu Bố trí từ nguồn NSCĐ 3,536 tỷ đồng
	San nền và hạ tầng thiết yếu tại khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay (giai đoạn 2)	Đakrông	21-24	1349/QĐ-UBND ngày 31/5/2022	163.000	78.000		1.500	0	(1.500)	Đã bố trí đủ vốn

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Chi thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại						12.000	12.000	12.000	-	
-	Bến xe kết hợp dịch vụ tổng hợp khu vực Cửa Việt; hạng mục san nền và sân bãi đỗ xe	Gio Linh	22-24	3583/QĐ-UBND ngày 24/12/2019	5.665	2.935	2.900	2.900	693	(2.207)	Đã bố trí đủ vốn
-	Nhà ở vận động viên năng khiếu tỉnh	Đông Hà	22-24	126/NQ-HĐND 30/8/2021	23.000	15.780	23.000	15.780	11.780	(4.000)	Đã bố trí từ nguồn tăng thu, TKC năm 2024
-	Nâng cấp mở rộng bãi rác trung tâm huyện Triệu Phong	Triệu Phong	2023-2025				9.000	9.000	0	(9.000)	DA chưa phê duyệt
-	Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa	Hướng Hoá	2023-2025	1417/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	26.800	21.800	21.800	0	0	-	Bố trí từ nguồn NSCĐ thực hiện hoàn thành dự án
-	Đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - giai đoạn 1	VL, GL, TP, ĐH	55,7km	4282/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	2.060.000	416.388	369.935	100.480	39.135	(61.345)	DA thực hiện 02 kỳ trung hạn
-	Đầu tư nâng cấp, cải tạo một số trụ sở cấp xã	HH, ĐK, GL, VP, TP, HL	02 tầng/ trụ sở		40.800	40.800		40.800	1.542	(39.258)	Dừng thực hiện khi thực hiện chính quyền 2 cấp
-	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tân Liên – Thuận (ĐH.86), đoạn qua xã Tân Liên	Hướng Hoá		2178/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	30.000	12.000		7.940	0	(7.940)	Tiến độ thực hiện chậm nên đã giảm kế hoạch 2025
-	Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà	Đông Hà	2024-2027	2469/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	1.152.920	192.230		42.000	37.000	(5.000)	DA thực hiện 02 kỳ trung hạn
-	Đường dân sinh kết nối khu phố 3 và khu phố 4, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà	Đông Hà	2023-2025					15.000	0	(15.000)	DA chưa phê duyệt
-	HĐND tỉnh giao khi đủ điều kiện						222.565	7.220	0	(7.220)	
III	NGUỒN THU ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KKT THƯƠNG MẠI ĐẶC BIỆT LAO BẢO						20.000	110.000	86.935	(23.065)	
1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất						3.000	16.500	13.040	(3.460)	
2	Các công trình phát triển quỹ đất và phát triển KTXH khác						17.000	93.500	73.895	(19.606)	
-	Hoàn thiện CSHT một số tuyến chính tại KKT TM Đặc biệt Lao Bảo (giai đoạn 2)	Hướng Hoá					4.900	1.864	1.864	-	
-	Công chính KCN Quán Ngang	Gio Linh					1.000	0	0	-	
-	Rà phá bom, mìn, vật liệu nổ Khu A thuộc Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá	Vĩnh Linh	14-15	2244/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	12.465	12.465	2.100	2.100	2.100	-	
-	San nền và hạ tầng thiết yếu tại khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay (giai đoạn 2)	Đàkrông	21-24	1349/QĐ-UBND ngày 31/5/2022	163.000	78.000	9.000	29.000	27.950	(1.050)	Đã bố trí đủ vốn

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Hệ thống xử lý nước thải KCN Quán Ngang (giai đoạn 1)	Gio Linh	16-24	614/QĐ-UBND ngày 29/6/2016; 1631/QĐ-UBND ngày 5/7/2024	104.000	8.700		5.500	4.300	(1.200)	Đã hoàn thành
-	Cơ sở hạ tầng Khu Tái định cư Lao Bảo - Tân Thành (giai đoạn 2013-2015)	Hướng Hóa	15-24	628/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	51.660	14.360		3.600	3.600	-	
-	Nâng cấp, mở rộng trạm kiểm soát liên hợp Tân Hợp (giai đoạn 2)	Tân Hợp	13-23	1986/QĐ-UBND ngày 29/10/13	6.700	6.700		177	177	-	
-	Đường tránh phía Đông TP Đông Hà tỉnh Quảng Trị (đoạn từ nút giao đường Nguyễn Hoàng đến Nam cầu sông Hiếu)	ĐH, TXQT	23-25	Số 1954/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của UBND tỉnh	230.000	27.000		8.360	0	(8.360)	Đã gặp vướng mắc nên đã giảm kế hoạch 2025
-	Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu - giai đoạn 1	ĐH	22-26	2956/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	175.000	125.000		3.640	3.640	-	
-	Nhiệm vụ quy hoạch (do Ban quản lý Khu kinh tế thực hiện)				12.960	12.960		12.960	5.964	(6.996)	Nhiệm vụ chưa phê duyệt
-	Một số hạng mục thiết yếu khu tái định cư Lao Bảo - Tân Thành giai đoạn 2	Hướng Hóa	23-24	204/QĐ-SXD ngày 11/12/2023	1.300	1.300		1.300	1.300	-	
-	Tuyến RD-01 và RD-04 khu công nghiệp Quán Ngang	Gio Linh	23-25	3183/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	25.000	25.000		25.000	23.000	(2.000)	Đã bố trí đủ vốn

PHỤ LỤC 04: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH CŨ (NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ) ĐÃ PHÂN BỐ

(Kèm theo Tờ trình số...*21/PO* /TTr-UBND ngày *28*...*11*/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Phương án phân bổ	KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021- 2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
A	TỔNG VỐN DO TỈNH PHÂN BỐ	6.870.592	7.647.972	7.247.812	(400.160)	
I	Phân bổ theo thứ tự ưu tiên	1.603.479	960.931	720.850	(240.081)	
1	Bố trí các công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCB (bổ sung 2,450)	257.050	100.000	85.112	- 14.888	
2	Vốn đối ứng các dự án ODA	730.684	413.028	392.038	- 20.990	<i>Phụ lục 4.1</i>
6	Chuẩn bị đầu tư và Quy hoạch (gồm có Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030)	70.000	70.000	15.000	- 55.000	
7	Hỗ trợ doanh nghiệp theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP; Hỗ trợ cho các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Bình)	120.000	70.000	28.700	- 41.300	
8	Đối ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh	200.000	121.000	120.000	- 1.000	
9	<i>Dự phòng KHĐT trung hạn 2021-2025</i>	65.745	106.903		- 106.903	
10	Thiết chế văn hóa (phân về huyện)	80.000	80.000	80.000	-	
11	Đầu tư khắc phục thích ứng ngập lụt	80.000				
12	Trả nợ quyết toán các công trình		116.027	116.027	-	
II	Phân bổ cho các công trình chuyển tiếp, trọng điểm	2.128.562	2.153.520	2.066.118	(87.402)	
1	Bố trí các Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 chuyển sang giai đoạn 2021-2025	882.362	874.320.00	873.918	(402)	<i>Phụ lục 4.2</i>
3	Bố trí các công trình trọng điểm, có tính liên kết vùng	1.246.200	1.279.200	1.192.200	(87.000)	<i>Phụ lục 4.3</i>
4	Bố trí các dự án khởi công mới 2021-2025	3.138.551	4.417.494	3.981.118	(436.376)	
	Khởi công mới 2022	866.291	861.794	861.473	(321)	<i>Phụ lục 4.4</i>
	Khởi công mới 2023	2.252.860	2.897.910	2.660.882	(237.028)	<i>Phụ lục 4.5</i>

TT	Phương án phân bổ	KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021- 2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
	Khởi công mới 2024 và chuẩn bị đầu tư	19.400	657.790	458.763	(199.027)	Phụ lục 4.6
III	Cập nhật, bổ sung vào trung hạn 2021-2025 cho các dự án từ Nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2024 chuyển sang năm 2025			363.700	363.700	Phụ lục 4.7

PHỤ LỤC 4.1: ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH CŨ ĐÃ PHÂN BỐ HÀNG NĂM

(Kèm theo Tờ trình số 24/0 /TTr-UBND ngày 28/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
TỔNG SỐ							4.218.814	981.643	730.684	413.028	392.038	(20.990)	
I	Đối ứng các dự án ODA					4.207.429	980.193	600.684	412.593	391.603	(20.990)		
1	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	Quảng Bình	2016	2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 11/9/2015	14.404	14.404	1.084	1.084	1.084			
2	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ, tỉnh Quảng Bình (JICA2)	Quảng Bình	2012	2021	1828/QĐ-UBND ngày 10/8/2012; 3075/QĐ-UBND ngày 31/8/2017	21.367	20.367	2.300	500	500			
3	Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (Dự án LRAMP) tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2016	2021	622/QĐ-BGTVT ngày 2/3/2016; 2949/QĐ-UBND 22/8/2017	146.500	10.500	2.000	2.000	2.000			
4	Dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2017	2022	221/QĐ-UBND ngày 28/1/2015; 2681/QĐ-UBND ngày 29/9/2015; 3473/QĐ-UBND ngày 02/10/2017	879.208	210.548	93.748	127.548	126.656	-892		
5	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Đồng Hới (WB)	Đồng Hới	2017	2022	3520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	1.306.369	96.413	48.413	48.413	29.114	-19.299		
6	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (ADB)	Quảng Bình	2018	2023	1769/QĐ-UBND ngày 30/5/2018	259.650	118.030	57.030	157.030	157.030	0		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
7	Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2018	2023	548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 1757/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 3479/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	31.330	31.330	28.530	19.689	19.689	0	
8	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2, Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2019	2023	3590/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 1142/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	40.699	40.699	34.823	31.823	31.823	0	
9	Dự án đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở	Quảng Bình	2020	2024	324/QĐ-TTg ngày 23/3/2019; 1119/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	35.686	10.686	8.186	8.186	8.000	-186	
10	Nâng cấp hệ thống đê, kè bảo vệ bờ sông và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu các xã bãi ngang, cồn bãi thuộc thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Ba Đồn	2018	2020	3530/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	3.996	3.996	1.350	1.350	1.350	0	
11	Dự án cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch giai đoạn 2	Ba Đồn Quảng Trạch	2020	2024	1842/QĐ-TTg ngày 18/11/2020	54.190	54.190	54.190	940	327	-613	
12	Dự án cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2021	2025	617/TTg-QHQT ngày 12/5/2021	14.030	14.030	14.030	14.030	14.030	0	
13	Dự án phát triển hạ tầng bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2023	2028		1.400.000	355.000	255.000	0	0	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
14	Tăng cường sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu và cung cấp, quản lý nguồn nước sạch cho người dân vùng nông thôn tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Lệ Thủy	2025	2026	216/NQ-HĐND ngày 11/12/2024	11.385	1.450		435	435	0	
II	Dự phòng vốn đối ứng ODA							130.000	0	0	0	

PHỤ LỤC 4.2: CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH CŨ ĐÃ PHÂN BỐ HÀNG NĂM

(Kèm theo Tờ trình số 211/PT /TTr-UBND ngày 28/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ					3.622.476	2.169.740	882.362	874.320	873.918	(402)	
I	DANH MỤC CHUYỂN TIẾP ĐÃ CÓ TRONG TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2020					2.241.329	1.534.564	747.662	740.655	739.632	(402)	
1	Kè chống sạt lở bờ sông xã Phong Hóa, huyện Tuyên Hóa (giai đoạn 1)	Tuyên Hóa	2018	2020	3668/QĐ-UBND ngày 18/10/2017	9.000	9.000	621	621	621	0	
2	Đường giao thông liên xã Nam Hóa - Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2018	2020	2825/QĐ-UBND ngày 08/8/2017	9.500	9.500	585	585	585	0	
3	Đường liên xã Thuận Hóa - Kim Hóa huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	Tuyên Hóa	2018	2020	2991/QĐ-UBND ngày 25/8/2017	9.986	9.986	539	539	539	0	
4	Tuyến đường ngoài hàng rào phía Nam dự án FLC nối từ đường tránh lũ BOT đến xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3861/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	67.500	67.500	24.469	24.469	24.469	0	
5	Sửa chữa nâng cấp các tuyến đường từ nhà văn hóa đến nhà Dòng xã Quảng Phương	Quảng Trạch	2019	2021	3889/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.500	2.100	735	735	735	0	
6	Đường cấp 3 Ninh Châu đi trạm bơm Rào Bạc	Quảng Ninh	2019	2021	3833/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.500	2.700	945	945	945	0	
7	Đường liên thôn Tân Sơn - Tam Đẳng, xã Sơn Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2019	2021	3968/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	5.000	3.000	1.050	1.050	1.050	0	
8	Đường giao thông liên thôn xã Quảng Trường, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2019	2021	3888/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.000	3.000	1.050	1.050	1.050	0	
9	Bê tông hóa đường liên thôn xã Cao Quảng	Tuyên Hóa	2019	2021	3728/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.500	3.300	165	165	165	0	
10	Nâng cấp tuyến đường ngập lụt liên thôn xã Phong Hóa	Tuyên Hóa	2019	2021	3224/QĐ-UBND ngày 27/9/2018; 131/QĐ-UBND	6.000	3.600	1.260	1.260	1.260	0	
11	Nâng cấp sửa chữa hệ thống đường nội vùng tổ dân phố Trường Sơn, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2019	2021	3886/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	6.000	3.600	180	180	180	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
12	Đường tránh lũ Duy Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3869/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	6.700	4.020	1.407	1.407	1.407	0	
13	Sửa chữa đường Lộc Long – Hoàn Vinh	Quảng Ninh	2019	2021	3794/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.000	4.800	1.680	1.680	1.680	0	
14	Đường giao thông phường Quảng Thuận	Ba Đồn	2019	2021	3727/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	8.000	4.800	240	240	240	0	
15	Đường tránh lũ Nguyệt Áng- Trường Dục, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3951/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	8.500	5.100	1.785	1.785	1.785	0	
16	Xây dựng Đập thôn 8 xã Quảng Thạch	Quảng Trạch	2019	2021	3788/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	9.500	5.700	1.995	1.995	1.995	0	
17	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường liên xã Quảng Thanh - Quảng Phương - Quảng Lưu - Quảng Tiến, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2019	2021	3694/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	15.000	9.000	450	450	450	0	
18	Kè chống sạt lở bờ suối Khe Trầy, đoạn qua Trạm Y tế xã Hoá Tiến	Mình Hóa	2019	2021	3836/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	1.500	900	225	225	225	0	
19	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh	Đồng Hới	2019	2021	3832/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	1.700	1.700	255	255	255	0	
20	Khắc phục khẩn cấp Cầu Lim-Động Hương xã Phong Hóa	Tuyên Hóa	2019	2021	3859/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	2.000	2.000	300	300	300	0	
21	Đê bao từ Mỹ Trung đến cống Hói Sỏi, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3834/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.500	2.100	735	735	735	0	
22	Nâng cấp tuyến đường từ thôn Sen Đông và tuyến đường từ thôn Xóm Phường đi thôn Thanh Sơn, xã Sen Thủy	Lệ Thủy	2019	2021	3797/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.500	2.100	735	735	735	0	
23	Nạo vét kênh và xây dựng bờ kè đoạn đười tràn hồ Đồng Sơn về vùng hạ lưu, phường Đồng Sơn	Đồng Hới	2019	2021	3881/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.000	2.400	840	840	840	0	
24	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước đập Ô Ô, xã Vạn Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3793/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.000	2.400	840	840	840	0	
25	Đường nối từ ngã 3 Khe Dong đến Quốc lộ 9C thuộc xã Kim Thủy	Lệ Thủy	2019	2021	3854a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.000	2.400	840	840	0	-840	
26	Tuyến đường liên thôn Tùng Giang-Hạ Lý Tân Châu, xã Quảng Châu	Quảng Trạch	2019	2021	3520/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	5.000	3.000	1.050	1.050	1.050	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
27	Kè hồ Trạm xã Phú Định	Bố Trạch	2019	2021	3730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.000	3.000	1.050	1.050	0	-1.050	
28	Nhà văn hóa xã kết hợp hội trường và các phòng chức năng xã Đức Hóa	Tuyên Hóa	2019	2021	3823/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.000	3.000	1.050	1.050	1.050	0	
29	Đường QL1A đi dự án FLC, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3735/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.500	3.900	1.365	1.365	1.365	0	
30	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Báo Quảng Bình	Đồng Hới	2019	2021	3890a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.957	3.957	989	989	81	-908	
31	Đường liên xã Thanh - Phương - Lưu đi trung tâm dân cư Tô Xá, xã Quảng Phương	Quảng Trạch	2019	2021	3041/QĐ-UBND ngày 13/9/2018	6.800	4.000	1.400	1.400	1.400	0	
32	Xây dựng trụ sở làm việc của Hạt kiểm lâm huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2019	2021	1834/QĐ-UBND ngày 05/6/2018	7.000	7.000	3.570	3.570	3.570	0	
33	Đường GTNT xã Quảng Xuân	Quảng Trạch	2019	2021	3724/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7.000	4.200	210	210	210	0	
34	Xây dựng đường GTNT các thôn xã Yên Hóa	Minh Hóa	2019	2021	3801/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	7.000	4.200	1.470	1.470	1.470	0	
35	Kè chống sạt lở kết hợp ngăn mặn đồng Cồn Hoàng huyện Quảng Ninh (gd2)	Quảng Ninh	2019	2021	3871/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.500	4.500	1.125	1.125	1.125	0	
36	Nâng cấp tuyến đường trục chính thôn Vĩnh Lộc, xã Quảng Lộc	Ba Đồn	2019	2021	3670/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	8.223	4.933	493	493	493	0	
37	Hội trường UBND xã Quảng Thủy	Ba Đồn	2019	2021	3805/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.500	3.000	1.050	1.050	1.050	0	
38	Đường kết hợp kè xã Phú Thủy, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2019	2021	3791/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	9.000	5.400	270	270	270	0	
39	Đường tránh lũ Vĩnh Tuy 1,2,3,4 xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh (giai đoạn 2)	Quảng Ninh	2019	2021	3736/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.500	5.700	284	284	284	0	
40	Đầu tư cứng hóa đường giao thông liên tổ DP, liên phường thuộc phường Quảng Phong, TX Ba Đồn	Ba Đồn	2019	2021	3725/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.819	6.000	2.100	2.100	2.100	0	
41	Bê tông hóa đường giao thông nội phường phường Quảng Phúc	Ba Đồn	2019	2021	3726/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.938	6.000	2.100	2.100	2.100	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
42	Tuyến đường từ thị trấn Quy Đạt đi xã Xuân Hóa, Hóa Hợp huyện Minh Hóa (giai đoạn 1)	Minh Hóa	2019	2021	3830a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	15.000	6.000	2.100	843	843	0	
43	Sửa chữa nâng cấp đường giao thông từ thị trấn Đồng Lê đi xã Sơn Hóa	Tuyên Hóa	2019	2021	3830/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	10.000	6.000	2.100	2.100	2.100	0	
44	Tuyến đường từ xã Yên Hóa đi xã Quy Hóa, huyện Minh Hóa (GD1)	Minh Hóa	2019	2021	3891a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	10.000	6.000	2.100	2.100	2.100	0	
45	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2019	2021	3857/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	9.000	9.000	2.250	2.250	2.250	0	
46	Hạ tầng nghĩa trang xã Bảo Ninh (GD2)	Đồng Hới	2019	2021	3856a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	21.500	10.000	3.500	3.500	3.500	0	
47	Đường tránh lũ Phúc Nhĩ – Kim Nại xã An Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3734/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	12.000	7.200	2.520	2.520	2.520	0	
48	Đường vào bản Nà Lâm, xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3862/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	13.500	8.100	2.835	2.835	2.835	0	
49	Nâng cấp, sửa chữa Sân vận động thành phố Đồng Hới tại phường Đồng Sơn	Đồng Hới	2019	2021	3767/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	14.800	14.800	3.700	3.700	3.700	0	
50	Khắc phục khẩn cấp tuyến đường từ xã Châu Hóa đi xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hóa, đoạn từ Km3+260 đến Km6+943,59	Tuyên Hóa	2019	2021	2377/QĐ-UBND ngày 20/7/2018	14.981	14.981	5.112	5.112	5.112	0	
51	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ cầu Quảng Hải đi các xã Quảng Lộc-Quảng Hòa-Quảng Minh-Quảng Sơn-Quảng Thủy, thị xã Ba	Ba Đồn	2019	2021	3887/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	27.000	16.200	5.670	5.670	5.670	0	
52	Tuyến đường trên đê Mỹ Cương, xã Đức Ninh	Đồng Hới	2019	2021	3867/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.000	2.400	1.320	1.320	1.320	0	
53	Đường liên xã Võ Tân - Đại Hữu, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	2756/QĐ-UBND ngày 21/8/2018	4.500	2.700	1.485	1.485	1.485	0	
54	Nâng cấp tuyến đường ngập lụt nối thôn 2 và thôn 3, xã Trung Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3208/QĐ-UBND ngày 26/9/2018	5.000	3.000	1.650	1.650	1.259	-391	
55	Đường giao thông nông thôn xã Vạn Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3863/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.250	2.550	1.200	1.200	1.200	0	
56	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Long Đại đoạn qua thôn Đồng Tư, xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3143/QĐ-UBND ngày 20/9/2018	7.000	4.200	210	210	210	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
57	Cầu Quy Hậu, xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2019	2021	3723/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	13.000	7.800	4.290	4.290	4.290	0	
58	Kè chống sạt lở bờ tả sông Lý Hòa, đoạn qua thôn Nam Sơn, xã Phú Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3707/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	8.000	4.800	2.640	2.640	2.177	-463	
59	Kè chống sạt lở Nam Hới Cùng, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2019	2021	3792/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	10.000	6.000	3.300	3.300	3.300	0	
60	Đường nối thôn Tân Hòa và Tân Thuận, xã Ngư Thủy Bắc	Lệ Thủy	2019	2021	3873/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	2.500	1.500	825	825	825	0	
61	Bê tông hóa đường nội thôn xã Quảng Châu	Quảng Trạch	2019	2021	3783/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.000	1.800	990	990	990	0	
62	Đường GTNT thôn Công Hòa xã Quảng Trung	Ba Đồn	2019	2021	3777/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.000	1.800	990	990	990	0	
63	Đường lò vôi xã Vạn Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3822/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.000	2.400	1.320	1.320	1.320	0	
64	Sửa chữa đường sản xuất và dân sinh xã Cam Thủy	Lệ Thủy	2019	2021	3787/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.000	2.400	1.320	1.320	1.320	0	
65	Đường nội thôn xã Tiên Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2019	2021	3729/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.000	3.000	1.650	1.650	1.650	0	
66	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã từ thôn Tam Đa, xã Quảng Lưu đi tỉnh lộ 22B	Quảng Trạch	2019	2021	3781/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.000	3.000	1.650	1.650	1.650	0	
67	Đường từ thôn Hồng Giang xã Trường Thủy đi xã Văn Thủy	Lệ Thủy	2019	2021	3731/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.000	3.000	1.650	1.650	1.650	0	
68	Đường liên thôn xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3737/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.000	3.000	1.650	1.650	1.650	0	
69	Cống cửa ông Lao, xã Bắc Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3816/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.000	3.000	1.650	1.650	1.650	0	
70	Đường giao thông liên thôn xã Nam Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2019	2021	3826/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	6.000	3.600	1.980	1.980	1.980	0	
71	Các tuyến đường La Hà Nam đi La Hà Đông và tuyến đường La Hà Nam đi Văn Phú, xã Quảng Vần	Ba Đồn	2019	2021	3785/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	6.000	3.600	1.980	1.980	1.980	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
72	Xây dựng khẩn cấp hệ thống kè bảo vệ tuyến đê Vũng Lũng, xã Tân Thủy	Lệ Thủy	2019	2021	3815/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	6.000	3.600	1.980	1.980	1.980	0	
73	Hệ thống kè bảo vệ tuyến đê Đập Bể, xã Lộc Thủy	Lệ Thủy	2019	2021	3814/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	6.000	3.600	1.980	1.980	1.980	0	
74	Hoàn thiện cầu Cà Roòng 2, xã Thượng Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3761/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.000	3.600	1.980	1.980	1.566	-414	
75	Nâng cấp tuyến đường ngập lũ nổi thôn Trung Thuận về thôn Nam Sơn, xã Phú Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3742/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.000	3.600	1.980	1.980	1.739	-241	
76	Tuyến đường vượt lũ Ba Cồn đi thôn 5, xã Thạch Hóa	Tuyên Hóa	2019	2021	3885a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	7.000	4.200	2.310	2.310	2.310	0	
77	Bê tông hóa các tuyến đường GTNT xã Phú Định, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7.000	4.200	210	210	210	0	
78	Đường giao thông từ xã Ngư Thủy Nam đi xã Ngư Thủy Trung	Lệ Thủy	2019	2021	3790/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	7.000	4.200	2.310	2.310	2.310	0	
79	Đường tránh lũ Long Đại - Hà Kiên	Quảng Ninh	2019	2021	3870/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	7.500	4.500	2.475	2.475	2.475	0	
80	Khắc phục, sửa chữa khẩn cấp một số tuyến đường xung yếu trên địa bàn xã Phù Hóa, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2019	2021	3733/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7.500	4.500	2.475	2.475	2.475	0	
81	Kè chống sạt lở Hói Miệu, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2019	2021	1503/QĐ-UBND ngày 04/5/2019	7.500	4.500	2.475	2.475	2.475	0	
82	Các tuyến đường nối trục N1 đến Trường Chính trị huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2019	2021	3828/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.000	4.800	2.640	2.640	2.640	0	
83	Nâng cấp, cải tạo Bãi xử lý rác thải huyện Quảng Trạch – giai đoạn II	Quảng Trạch	2019	2021	3829/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	7.954	4.772	2.625	2.625	2.625	0	
84	Đường từ thôn Quy Hậu đi Quốc lộ 1A xã Liên Thủy	Lệ Thủy	2019	2021	3789/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.000	4.800	2.640	2.640	2.640	0	
85	Đường giao thông nông thôn tuyến từ thôn 6 đến thôn 2 xã Trung Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3784/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	9.000	5.400	2.970	2.970	2.970	0	
86	Đường giao thông nông thôn khu vực Phúc Đồng, Phúc Khê, Thanh Sơn, Chày Lập xã Phúc Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3774/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	9.500	5.700	3.135	3.135	3.135	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
87	Sửa chữa, nâng cấp đường từ thôn Bắc Hòa, xã Ngự Thủy Bắc đi xã Ngự Thủy Trung	Lệ Thủy	2019	2021	2282/QĐ-UBND ngày 11/7/2018	10.000	6.000	3.300	3.300	3.300	0	
88	Đường giao thông trên địa bàn Phường Quảng Thọ	Ba Đồn	2019	2021	3884/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	10.000	6.000	3.300	3.300	3.300	0	
89	Tuyến đường cứu hộ Sen Thủy đi xã Ngự Thủy Nam	Lệ Thủy	2019	2021	3132/QĐ-UBND ngày 19/9/2018	14.940	6.642	3.653	3.653	3.653	0	
90	Đường từ Điện Thành Hoàng Vĩnh Lộc đến Cầu Chợ Ngang xã Quảng Lộc	Ba Đồn	2019	2021	3778/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	11.200	6.720	3.696	3.696	3.696	0	
91	Khắc phục tuyến đường UBND xã thôn Bưởi Rối xã Quảng Hợp	Quảng Trạch	2019	2021	3732/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	12.000	7.200	360	360	360	0	
92	Tuyến đường chính vào trung tâm thị trấn Quán Hàu, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3865/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	15.000	9.000	4.950	4.950	4.950	0	
93	Quảng trường biển xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3738/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	15.000	9.000	4.950	4.950	4.950	0	
94	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường vào bản Ploang, xã Trường Sơn	Quảng Ninh	2021	2023	3016/QĐ-UBND ngày 30/09/2021	20.000	12.000	6.600	6.600	6.600	0	
95	Hạ tầng kỹ thuật nối quy hoạch khu vực phía Đông ngã ba thị trấn Hoàn Lão ra biển Trung Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3856/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	48.800	28.800	15.840	15.840	15.840	0	
96	Hạ tầng khu phi thuế quan và các điểm dịch vụ khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo	Minh Hóa	2015	2021	3064/QĐ-UBND ngày 29/10/2014; 4885/QĐ-UBND ngày 14/10/2016; 3207/QĐ-UBND ngày 14/10/2016; 408/QĐ-UBND	275.945	60.051	19.100	19.100	19.100	0	
97	Các trục đường giao thông KCN Tây Bắc Quán Hàu	Quảng Ninh	2017	2024	3207/QĐ-UBND ngày 14/10/2016; 408/QĐ-UBND	57.000	57.000	38.800	38.800	38.800	0	
98	Khu cứu hộ động vật, thực vật hoang dã và mở rộng vườn thực vật	Bố Trạch	2018	2020	2856/QĐ-UBND ngày 28/8/2018	8.480	8.480	1.434	1.434	2.250	816	
99	Hệ thống sân dạo và điện chiếu sáng động Phong Nha	Bố Trạch	2018	2020	4742/QĐ-UBND ngày 31/12/2018	10.993	10.993	3.429	3.429	2.770	-659	
100	Kênh tưới nước Hồ Vân Tiên	Quảng Trạch	2020	2022	4102/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	8.600	5.000	3.350	2.000	2.000	0	
101	Hạ tầng công viên thị trấn Kiến Giang huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2020	2022	4227/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	25.000	15.000	10.050	10.050	10.050	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
102	Khắc phục lầy lội 2 tuyến đường hạ tầng từ đường liên 5 xã đi trung tâm huyện lỵ mới Quảng Trạch	Quảng Trạch	2020	2022	4234/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	9.000	9.000	6.030	6.030	6.030	0	
103	Nâng cấp mở rộng tuyến đường nội từ đường Hồ Chí Minh đến khu hạ tầng di tích lịch sử cấp Quốc gia Hang Lèn Hà, xã Thanh Hóa, huyện	Tuyên Hóa	2020	2022	4074/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	14.900	12.000	8.040	8.040	8.040	0	
104	Đường bê tông thôn Vĩnh Phước Nam xã Quảng Lộc	Ba Đồn	2020	2022	4230/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.000	3.600	2.412	2.412	2.412	0	
105	Đường vượt lũ thôn Hà Sơn xã Quảng Sơn	Ba Đồn	2020	2022	4231/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	4.000	2.400	1.608	1.608	1.608	0	
106	Cầu BTCT và đường hai đầu cầu từ xã Quảng Lộc đi trung tâm cụm các xã Vũng Nam	Ba Đồn	2020	2022	4295/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	13.500	11.000	8.240	8.240	8.240	0	
107	Sửa chữa nâng cấp đường GTNT Bắc Minh Lệ xã Quảng Minh	Ba Đồn	2020	2022	3891/QĐ-UBND ngày 15/10/2019	5.000	3.000	2.010	2.010	2.010	0	
108	Tuyến đường chống ngập lụt và CHCN xã Quảng Hải	Ba Đồn	2020	2022	4232/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	10.000	6.000	4.200	4.200	4.200	0	
109	Đường kết hợp kè chống ngập lụt tại địa bàn xã Hồng Thủy, huyện Lệ Thủy (giai đoạn 2)	Lệ Thủy	2020	2022	3800/QĐ-UBND ngày 07/10/2019	6.000	3.600	2.412	2.412	2.412	0	
110	Ngầm tràn thôn 3 Thanh Long xã Quy Hóa	Minh Hóa	2020	2022	4066/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	3.212	1.927	1.185	1.185	1.185	0	
111	Đường tránh lũ kết hợp di dân sau hồ Rào Đá xã Trường Xuân	Quảng Ninh	2020	2022	3620/QĐ-UBND ngày 25/9/2019	6.000	3.600	2.412	2.412	2.412	0	
112	XD tuyến đường Tùng - Châu - Hợp đoạn từ thôn Lý Nguyên xã Quảng Châu đến xã Quảng Hợp	Quảng Trạch	2020	2022	3403/QĐ-UBND ngày 06/9/2019	7.500	4.500	3.150	3.150	3.150	0	
113	Bê tông hệ thống đường, cầu bán xã Châu Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2020	2022	4228/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.000	3.000	2.010	2.010	2.010	0	
114	Đường ngăn cản lửa và PCCC rừng phòng hộ ven biển Hải Ninh, Gia Ninh và Võ Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2020	2022	3882/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	5.500	5.500	3.665	3.665	3.665	0	
115	Hạ tầng khuôn viên tổ chức hội chợ tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2020	2022	4180/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	26.000	26.000	17.420	17.420	17.420	0	
116	Hạ tầng xung quanh Nghĩa trang xã Đức Ninh, TP Đồng Hới	Đồng Hới	2020	2022	4187/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	9.000	3.900	2.613	2.613	2.613	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
117	Đường cứu hộ, cứu nạn dọc sông Gianh xã Quảng Tiên	Ba Đồn	2020	2022	4175/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.500	6.500	4.355	4.355	4.355	0	
118	Bê tông hóa các tuyến đường vùng Cổ Bả về Bãi Nghê xã Quảng Thủy	Ba Đồn	2020	2022	4173/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.700	6.700	4.489	4.489	4.489	0	
119	Các tuyến đường giao thông xã Quảng Trung, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2020	2022	4171/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	8.500	6.500	4.550	4.550	4.550	0	
120	Các tuyến đường giao thông xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2020	2022	4296/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	10.000	7.500	5.025	5.025	5.025	0	
121	Xây dựng kè chống sạt lở hói Xuân Hồi- Đông Thành xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2020	2022	4247/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.000	5.000	3.350	3.350	3.350	0	
122	Tuyến đường từ thôn Hoàng Viễn đi xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2020	2022	4161/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7.500	7.500	5.025	5.025	5.025	0	
123	Đường kết hợp kè chống xói lở ven biển xã Cảnh Dương (giai đoạn 2)	Quảng Trạch	2020	2022	4155/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	12.500	11.000	7.500	7.500	7.500	0	
124	Đường tránh lũ kết hợp đê bao ngăn mặn thôn Quảng Xá, xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2020	2022	4152/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7.500	5.000	3.350	3.350	3.350	0	
125	Đường liên thôn Xuân Dục 1-Xuân Dục 4, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2020	2022	4150/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.000	5.000	3.350	3.350	3.350	0	
126	Đường tránh lũ thôn Xuân Hạ, xã Văn Hóa	Tuyên Hóa	2020	2022	4103/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	2.400	2.400	1.608	1.608	1.608	0	
127	Tuyến đường chính Quốc lộ 12A đi vùng Nam, đoạn từ xã Quảng Lộc đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2020	2022	4236/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	70.000	50.000	44.720	44.720	44.720	0	
128	Hội trường và Nhà làm việc UBND xã Quảng Phú	Quảng Trạch	2020	2022	4303/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	8.000	3.000	2.100	2.100	2.100	0	
129	Đường giao thông liên thôn tuyến thôn Trầm Mé đi thôn Na, xã Sơn Trạch	Bố Trạch	2020	2022	4176/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	10.000	6.000	4.020	4.020	4.020	0	
130	Nhà ở công vụ và nâng cấp khuôn viên công an huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2020	2022	4135/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.500	6.500	4.355	4.355	4.355	0	
131	Cầu Sông Trước, xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2020	2022	978a/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	20.000	20.000	15.450	15.450	15.450	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
132	Đường phát triển kinh tế kết nối hạ tầng giao thông từ cầu Minh Lệ đi ga Ngân Sơn	Ba Đồn	2020	2022	4210/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	11.000	11.000	7.670	7.670	7.670	0	
133	Các tuyến đường GTNT xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2020	2022	4183/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	8.500	8.500	5.245	5.245	5.245	0	
134	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ đường Phan Đình Phùng rẽ vào Nhà máy phân loại, xử lý rác thải, sản xuất biogas và phân bón	Đồng Hới, Bố Trạch	2020	2022	4159/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	20.000	20.000	15.900	11.500	11.500	0	
135	Đường tránh sau khu du lịch núi Thần Đinh xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2020	2022	4148/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	20.000	20.000	16.400	16.400	16.400	0	
136	Khắc phục khẩn cấp đường nội thị thị trấn Đồng Lê	Tuyên Hóa	2020	2022	2703/QĐ-UBND ngày 04/8/2020	14.600	14.600	11.162	11.162	11.162	0	
137	Tuyến đường nối từ phía Nam hồ Bàu Mây kết nối với tuyến đường liên xã Quảng Phương	Quảng Trạch	2020	2022	4717/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	15.000	15.000	11.550	11.550	11.550	0	
138	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường dọc bờ sông Kiến Giang đoạn từ cầu Phong Xuân đi di tích lịch sử chiến thắng Xuân Bồ, xã Xuân Thùv.	Lệ Thủy	2020	2022	3492/QĐ-UBND ngày 24/9/2020	15.000	15.000	5.550	5.550	5.550	0	
139	Nhà ăn, ở thường trực cán bộ chiến sỹ tại trụ sở Công an tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2020	2022	4163/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	10.000	10.000	5.700	5.700	5.700	0	
140	Xây dựng cầu kiểm soát cửa sông Ròn	Quảng Trạch	2020	2022	2498/QĐ-UBND ngày 17/7/2020	5.000	5.000	1.850	1.850	1.850	0	
141	Xây dựng và áp dụng hệ thống ISO điện tử theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2005 vào hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2019	2021	3740/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.994	4.994	91	91	91	0	
142	Đầu tư nâng cấp Trung tâm dữ liệu điện tử và phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ	Quảng Bình	2019	2021	3719/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.000	5.000	1.250	1.250	1.326	76	
143	Đầu tư xây dựng Vườn thực nghiệm khoa học công nghệ và ứng dụng, phát triển công nghệ cao trong sản xuất và chế biến tại Trung tâm ứng	Đồng Hới	2019	2021	3715/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.850	14.850	3.712	3.712	3.712	0	
144	Đầu tư mua sắm trang thiết bị phòng dựng truyền hình và phục vụ công tác thông tin, truyền thông và thống kê khoa học và công nghệ	Quảng Bình	2020	2022	4240/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.500	3.500	2.345	2.345	2.345	0	
145	Đầu tư tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ	Đồng Hới	2020	2022	4192/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	10.950	10.950	7.337	7.337	7.337	0	
146	Đầu tư nâng cấp, hạ tầng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình năm 2020	Đồng Hới	2020	2022	4100/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	7.000	7.000	4.690	4.690	4.690	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
147	Triển khai thí điểm một số dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2020	2022	110/NQ-HĐND ngày 8/7/2020	4.000	4.000	2.680	2.680	2.680	0	
148	Trường Tiểu học Quảng Trạch (6 phòng)	Quảng Trạch	2019	2021	3775/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.000	3.000	876	876	576	-300	
149	Trường Tiểu học xã Thuận Đức (2 tầng 6 phòng)	Đồng Hới	2019	2021	3681/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	3.994	3.000	876	876	876	0	
150	Xây mới phòng học bộ môn trường THPT Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2019	2021	3625/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	2.874	2.874	539	539	539	0	
151	Trường THCS Sơn Lộc (2 tầng 6 phòng)	Bố Trạch	2019	2021	3167/QĐ-UBND ngày 24/9/2018	2.823	2.823	417	417	417	0	
152	Trường Tiểu học số 2 xã Quảng Xuân - Hạng mục: Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	Quảng Trạch	2019	2021	3117/QĐ-UBND ngày 05/9/2017	3.000	3.000	576	576	576	0	
153	Nhà lớp học và chức năng 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học Hải Thành	Đồng Hới	2019	2021	3346/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	4.000	4.000	768	768	958	190	
154	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS Cảnh Hóa	Quảng Trạch	2019	2021	3624/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	4.000	4.000	768	768	768	0	
155	Nhà thư viện, phòng học bộ môn Trường THCS xã Thanh Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3679/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	5.375	2.700	540	540	540	0	
156	Nhà thi đấu đa chức năng trường THCS&THPT Dương Văn An	Lệ Thủy	2019	2021	3445/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	5.500	5.500	1.056	1.056	1.056	0	
157	Trường Tiểu học xã Vạn Trạch (6 phòng) (Khu vực Thống Nhất)	Bố Trạch	2019	2021	3818/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.825	2.895	771	771	771	0	
158	Xây dựng phòng học trường THCS Kim Hóa (6 phòng học)	Tuyên Hóa	2019	2021	3825/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.000	3.000	576	576	876	300	
159	Trường Tiểu học số 1 xã Quảng Xuân (06 phòng)	Quảng Trạch	2019	2021	3716/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.000	3.000	576	576	876	300	
160	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng cụm MN Xuân Bồ, Xuân Thủy	Lệ Thủy	2019	2021	3857a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.200	3.200	614	614	614	0	
161	Nhà lớp học bộ môn 6 phòng - Trường THCS Cam Thủy	Lệ Thủy	2019	2021	3827/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.000	2.400	528	528	528	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
162	Nhà phòng học 10 phòng trường THPT Minh Hóa	Minh Hóa	2019	2021	3766/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.000	5.000	960	960	960	0	
163	Nhà thi đấu đa chức năng trường THPT Ngô Quyền (trước đây là Trường THPT số 5 Bố Trạch)	Bố Trạch	2019	2021	3765/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.500	5.500	1.056	1.056	1.056	0	
164	Trường Tiểu học xã Quảng Sơn (8 phòng)	Ba Đồn	2019	2021	3804/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.000	4.000	720	720	1.019	299	
165	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng trường THCS Quảng Hải	Ba Đồn	2019	2021	3786/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.000	4.000	720	720	1.071	351	
166	Nhà đa năng Trường THPT Trần Hưng Đạo	Lệ Thủy	2019	2021	3891/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.500	5.500	990	990	990	0	
167	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học Lộc Ninh	Đồng Hới	2019	2021	3876a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.000	2.400	672	672	672	0	
168	Nhà hiệu bộ Trường Mầm non xã Nghĩa Ninh	Đồng Hới	2019	2021	3773/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.000	3.000	540	540	798	258	
169	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học Cồn Sẻ, xã Quảng Lộc	Ba Đồn	2019	2021	3795/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.500	3.300	924	924	924	0	
170	Sửa chữa, nâng cấp khối nhà lớp học 3 tầng, 24 phòng Trường THPT Đồng Hới	Đồng Hới	2019	2021	3884a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.000	4.000	720	720	1.085	365	
171	Trường Mầm non Bắc Lý (Cụm Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới)	Đồng Hới	2019	2021	3806/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	6.000	6.000	1.080	1.080	1.080	0	
172	XD mới Nhà đa chức năng Trường CĐ Kỹ thuật công nông nghiệp Quảng Bình	Đồng Hới	2019	2021	2753/QĐ-UBND ngày 20/8/2018	9.500	9.500	1.710	1.710	2.660	950	
173	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Tiểu học số 1 Quảng Hòa	Ba Đồn	2019	2021	3780/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.000	1.800	720	720	720	0	
174	Trường Tiểu học số 1 Sen Thủy (6 phòng 2 tầng)	Lệ Thủy	2019	2021	3796/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	2.955	1.800	720	720	720	0	
175	Nhà lớp học 6 phòng trường Mầm non Lâm Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3741a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.000	3.000	1.200	1.200	1.200	0	
176	Nhà đa năng Trường THCS & THPT Việt Trung	Bố Trạch	2020	2022	4238/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.000	6.000	5.220	5.220	5.220	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
177	Nhà lớp học 4 phòng trường mầm non Mai Hóa	Tuyên Hóa	2020	2022	3447/QĐ-UBND ngày 10/9/2019	3.800	2.280	1.482	1.482	1.482	0	
178	Nhà lớp học 4 phòng Trường Mầm non Quảng Lộc	Ba Đồn	2020	2022	3301/QĐ-UBND ngày 30/8/2019	3.823	2.294	1.835	1.835	1.835	0	
179	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng trường Tiểu học khu vực trung tâm thôn Hợp Trung xã Quảng Hợp	Quảng Trạch	2020	2022	4258/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.500	4.500	2.790	2.790	2.790	0	
180	Nhà lớp học Trường THPT Lê Lợi	Ba Đồn	2020	2022	4218/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	4.200	4.200	2.831	2.831	3.199	368	
181	Trường THCS Quảng Lộc (6 phòng)	Ba Đồn	2020	2022	4142/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.000	3.000	1.950	1.950	1.950	0	
182	Nhà đa năng trường THPT Minh Hóa	Minh Hóa	2020	2022	4222/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.200	5.200	3.224	3.224	3.224	0	
183	Nhà đa năng trường THCS&THPT Trung Hóa	Minh Hóa	2020	2022	4214/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.200	5.200	3.224	3.224	3.224	0	
184	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 4 phòng Trường THCS xã Tiến Hóa	Tuyên Hóa	2019	2021	3835/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.000	1.800	720	720	720	0	
185	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng Trường tiểu học số 4 Sơn Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3743/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.200	1.800	720	720	720	0	
186	Trường Tiểu học xã Vạn Trạch (6 phòng) (Khu vực Chiến Thắng)	Bố Trạch	2019	2021	3819/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.000	1.800	720	720	720	0	
187	Hạ tầng kỹ thuật Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3811/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	2.738	1.800	720	720	720	0	
188	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Tiểu học Quảng Liên	Quảng Trạch	2019	2021	3808/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.289	1.980	792	792	792	0	
189	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Tiểu học số 1 Ba Đồn	Ba Đồn	2019	2021	3779/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.427	2.100	840	840	840	0	
190	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Tiểu học số 2 Cự Năm, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3820/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.424	2.100	840	840	840	0	
191	Nhà hiệu bộ trường THCS Tân Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3809/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.703	2.400	960	960	960	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thống qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
192	Trường tiểu học Vạn Ninh (cơ sở 2) - hạng mục nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	Quảng Ninh	2019	2021	3879a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.717	2.400	960	960	960	0	
193	Trường MN 2 tầng 4 phòng thôn Áng Sơn xã Vạn Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3800/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.192	2.520	1.008	1.008	1.008	0	
194	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS xã Quảng Xuân	Quảng Trạch	2019	2021	3709/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.500	2.700	1.080	1.080	1.080	0	
195	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học Quảng Thọ	Ba Đồn	2019	2021	3772/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.401	2.700	1.080	1.080	1.080	0	
196	Dãy nhà 2 tầng 8 phòng Trường THCS xã Quảng Châu	Quảng Trạch	2019	2021	3782/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.500	2.700	1.080	1.080	1.080	0	
197	Nhà lớp học chức năng trường tiểu học xã Đức Trạch - KV2	Bố Trạch	2019	2021	3874/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.500	2.700	1.080	1.080	1.080	0	
198	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2019	2021	3812/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.482	2.700	1.080	1.080	1.080	0	
199	Nhà lớp học, chức năng 2 tầng 4 phòng trường mầm non An Ninh (điểm trường thôn Kim Nại)	Quảng Ninh	2019	2021	3866/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.489	2.700	1.080	1.080	1.080	0	
200	Xây dựng 6 phòng 2 tầng Trường Mầm non xã Quảng Liên	Quảng Trạch	2019	2021	3807/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.600	2.760	1.104	1.104	1.104	0	
201	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường tiểu học số 4 Hưng Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3742/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.508	2.760	1.104	1.104	900	-204	
202	Nhà chức năng 2 tầng 6 phòng trường THCS xã Trung Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3798/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.800	2.880	1.152	1.152	1.152	0	
203	Nhà hiệu bộ và khuôn viên Trường tiểu học Gia Ninh, xã Gia Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3860/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.800	2.880	1.152	1.152	1.152	0	
204	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 8 phòng học Trường THCS xã Võ Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3871a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.910	3.000	1.200	1.200	1.200	0	
205	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 8 phòng học, Trường THCS xã Hàm Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3724a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.000	3.000	1.200	1.200	1.200	0	
206	Nhà lớp học chức năng, thư viện trường THCS xã Đồng Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3875/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.500	3.300	1.320	1.320	1.320	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
207	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Mầm non Huyện Thủy, xã Thạch Hóa	Tuyên Hóa	2019	2021	3824/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.638	3.600	1.440	1.440	1.440	0	
208	Nhà lớp học và các phòng chức năng 2 tầng 6 phòng trường MN xã Quảng Thủy	Ba Đồn	2019	2021	3878a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.500	3.600	1.440	1.440	1.440	0	
209	Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng trường THCS Sơn Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3744/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.000	3.600	1.440	1.440	1.440	0	
210	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và HTKT Trường TH Sơn Thủy	Lệ Thủy	2019	2021	3813/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.943	3.600	1.440	1.440	1.440	0	
211	Xây dựng cơ sở 2 Trường trung cấp Y tế Quảng Bình (gd1)	Đồng Hới	2019	2021	3771/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	12.500	5.000	2.000	2.000	2.000	0	
212	Trường Tiểu học Hải Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3764/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.157	6.000	2.700	2.700	2.700	0	
213	Nhà lớp học, chức năng Trường Tiểu học Long Đại, xã Hiền Ninh	Quảng Ninh	2019	2021	3868/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.976	2.400	960	960	960	0	
214	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Cam Thủy (KV Mỹ Hòa)	Lệ Thủy	2019	2021	3810/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	6.000	3.600	1.440	1.440	1.440	0	
215	Nhà lớp học trường THPT Phan Đình Phùng	Đồng Hới	2020	2022	4209/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	4.200	4.200	2.604	2.604	2.604	0	
216	Nhà đa năng trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Hóa	2020	2022	4003/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	6.994	6.994	4.336	4.336	4.336	0	
217	Sửa chữa dây nhà 3 tầng THPT Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2020	2022	4004/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	2.458	2.458	1.524	1.524	1.524	0	
218	Hệ thống thoát nước và sân đường nội bộ trường THPT Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2020	2022	4181/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	4.500	4.500	2.790	2.790	2.790	0	
219	Nhà đa năng Trường THPT Lê Trực	Tuyên Hóa	2020	2022	4226/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.500	6.500	4.030	4.030	4.030	0	
220	Nhà vệ sinh và đường chạy môn học giáo dục thể chất trường THPT Quang Trung, xã Quảng Phú	Quảng Trạch	2020	2022	4006/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	1.988	1.988	1.232	1.232	1.232	0	
221	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và nhà vệ sinh của học sinh, giáo viên Trường THPT Quảng Ninh	Quảng Ninh	2020	2022	4261/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.815	5.815	3.606	3.606	3.606	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
222	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS & THPT Việt Trung	Bố Trạch	2020	2022	2915/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	4.000	4.000	2.480	2.480	2.480	0	
223	Nhà thi đấu đa năng trường THPT Trần Phú	Bố Trạch	2020	2022	4002/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	5.757	5.757	3.569	3.569	3.569	0	
224	Nhà lớp học 10 phòng trường THPT Lê Hồng Phong	Ba Đồn	2020	2022	4219/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7.000	7.000	4.340	4.340	4.340	0	
225	Nhà hiệu bộ Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh	Đồng Hới	2020	2022	4237/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.000	6.000	3.720	3.720	3.720	0	
226	Khu nhà bán trú cho học sinh dân tộc (20 phòng) và trang thiết bị nội thất phục vụ nhu cầu bán trú cho học sinh dân tộc Trường THCS&THPT Hóa	Minh Hóa	2020	2022	2820/QĐ-UBND ngày 19/7/2019	7.000	7.000	4.340	4.340	4.340	0	
227	Nhà thư viện, hội trường, văn phòng trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Lệ Thủy	2020	2022	3644/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	4.000	4.000	2.480	2.480	2.480	0	
228	Nhà thi đấu đa năng Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Lệ Thủy	2020	2022	3572/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	6.000	6.000	5.220	5.220	5.220	0	
229	Nhà đa chức năng, sân, bếp ăn và khuôn viên Trường mầm non Quảng Minh (Điểm chính)	Ba Đồn	2020	2022	4299/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	10.000	6.000	3.900	3.900	3.900	0	
230	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Mầm non Ba Đồn	Ba Đồn	2020	2022	4138/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	8.500	5.100	3.315	3.315	3.315	0	
231	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học Mai Thủy	Lệ Thủy	2020	2022	4203/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.000	3.000	1.950	1.950	1.950	0	
232	Nhà hiệu bộ, chức năng và khuôn viên Trường Tiểu học số 2 An Ninh	Quảng Ninh	2020	2022	4197/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.000	3.000	1.745	1.745	1.745	0	
233	Nhà đa năng trường THPT Lê Lợi	Quảng Trạch	2020	2022	4213/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.200	5.200	3.224	3.224	3.224	0	
234	Nhà lớp học 6 phòng 3 tầng, Trường Mầm non xã Cảnh Dương	Quảng Trạch	2020	2022	4145/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.500	3.900	2.335	2.335	2.335	0	
235	Trường Mầm non xã Phong Thủy (khu vực Đại Phong)	Lệ Thủy	2020	2022	4184/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	8.500	4.800	3.120	3.120	3.120	0	
236	Cải tạo và nâng cấp Nhà giảng đường A3 Trường Đại học Quảng Bình	Đồng Hới	2020	2022	4156/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.000	5.000	3.100	3.100	3.100	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
237	Nhà đa năng trường THPT Phan Đình Phùng	Đồng Hới	2020	2022	4209/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.700	5.700	3.534	3.534	3.534	0	
238	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường tiểu học Quảng Minh A (điểm trường Minh Tiến)	Ba Đồn	2020	2022	4205/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	4.500	2.700	1.555	1.555	1.555	0	
239	Trạm Y tế phường Quảng Phúc	Ba Đồn	2019	2021	3970a/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	3.982	3.000	1.190	1.190	1.190	0	
240	Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2019	2021	2151/QĐ-UBND ngày 02/7/2018	14.800	9.800	1.680	1.680	1.680	0	
241	Trạm y tế xã Quảng Lộc	Ba Đồn	2019	2021	3865/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	4.000	2.400	1.200	1.200	1.200	0	
242	Trạm y tế xã Quảng Châu	Quảng Trạch	2019	2021	3803/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.000	1.800	450	450	450	0	
243	Trạm Y tế phường Quảng Long	Ba Đồn	2019	2021	3776/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.000	3.000	750	750	1.010	260	
244	Bệnh viện Đa khoa Minh Hóa	Minh Hóa	2019	2021	3890/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.500	5.500	1.375	1.375	1.375	0	
245	Bệnh viện Đa khoa Đồng Hới	Đồng Hới	2019	2021	3802/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.600	8.600	2.150	2.150	2.685	535	
246	Trạm y tế xã Quảng Kim	Quảng Trạch	2019	2021	3885/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.000	1.800	630	630	630	0	
247	Trạm Y tế xã Đức Trạch	Bố Trạch	2019	2021	3347/QĐ-UBND ngày 9/10/2018	4.000	2.400	840	840	840	0	
248	Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2020	2022	4196/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.500	4.500	3.345	3.345	3.345	0	
249	Nhà điều trị và hạ tầng kỹ thuật bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2020	2022	4190/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	11.000	6.600	4.290	4.290	4.290	0	
250	Trạm Y tế xã Trung Trạch	Bố Trạch	2020	2022	4201/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.500	3.300	1.575	1.575	1.575	0	
251	Trạm Y tế xã Đồng Trạch	Bố Trạch	2020	2022	4199/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.500	3.300	1.645	1.645	1.645	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
252	Trạm Y tế phường Ba Đồn	Ba Đồn	2020	2022	4141/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.000	3.000	1.950	1.950	1.950	0	
II	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2016-2020 ĐÃ ĐƯỢC BỔ SUNG VÀO KH 2021-2025					346.757	46.570	29.998	28.963	28.963	-	
1	Củng cố, nâng cấp đê, kè cửa sông Nhật Lệ (bờ Tả+ bờ hữu), huyện Quảng Ninh và thành phố Đồng Hới	Quảng Ninh, Đồng Hới	2012	2014	2861/QĐ-CT ngày 21/11/2012	149.212	11.220	4.291	3.256	3.256	0	
2	Xây dựng củng cố đê, kè chống sạt lở cửa sông Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (GĐ1)	Đồng Hới	2018	2022	QĐ số 3355/QĐ-UBND ngày 10/10/2018; 4892/QĐ-UBND ngày	72.383	12.161	6.161	6.161	6.161	0	
3	Xây dựng các khu tái định cư, khu nghĩa trang phục vụ công tác GPMB dự án Xây dựng QL 12A đoạn tránh Nhà máy xi măng sông Gianh, tỉnh Quảng Bình	Quảng Trạch, Ba Đồn	2012	2012	2480/QĐ-UBND ngày 8/9/2009	15.013	13.140	9.497	9.497	9.497	0	
4	Đường từ Quốc lộ 1 A đến nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Lệ Thủy	2015	2021	3154/QĐ-UBND ngày 31/10/2021; 3435/QĐ-UBND	110.149	10.049	10.049	10.049	10.049	0	
III	CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM CHUYỂN TIẾP SANG 2021-2025					1.034.390	588.606	104.702	104.702	104.702	-	
1	Trụ sở Tỉnh ủy		2013	2019	2429/QĐ-UBND ngày 04/10/2013; 3419/QĐ-UBND	391.940	126.940	12.296	12.296	12.296	0	
2	Trung tâm văn hóa tỉnh Quảng Bình		2015	2019	3120/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	220.272	100.272	14.795	14.795	14.795	0	
3	Trụ sở làm việc khối cơ quan Huyện ủy và khối Mặt trận đoàn thể huyện Quảng Trạch		2015	2019	3044/QĐ-UBND ngày 28/10/2014; 3400/QĐ-UBND	74.989	29.989	141	141	141	0	
4	Trụ sở làm việc HĐND và UBND Thành phố Đồng Hới		2016	2018	3464/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	150.000	134.216	26.000	26.000	26.000	0	
5	Dự án Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân Quảng Bình		2019	2020	3741/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 4723/QĐ-UBND	113.800	113.800	41.420	41.420	41.420	0	
6	Dự án Hạ tầng Quảng trường trung tâm		2019	2020	3557/QĐ-UBND ngày 24/10/2018; 3918/QĐ-UBND	83.389	83.389	10.050	10.050	10.050	0	

PHỤ LỤC 4.3: CÁC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH CŨ ĐÃ PHÂN BỐ HÀNG NĂM

(Kèm theo Tờ trình số 21/TT-UBND ngày 28/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8					
	TỔNG SỐ					4.035.000	1.335.000	1.246.200	1.279.200	1.192.200	(87.000)	
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2)	Ba Đồn	2022	2025	3777/QĐ-UBND ngày 28/12/2022; 2570/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	375.000	375.000	291.000	366.000	279.000	(87.000)	
2	Đầu tư xây dựng công trình cấp điện lưới cho các xã Tân Trạch, Thượng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1872/QĐ-UBND ngày 7/7/2022	110.000	110.000	106.700	106.700	106.700	-	
3	Kè biển xã Cảnh Dương	Quảng Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1466/QĐ-UBND ngày 06/06/2022	50.000	50.000	48.500	48.500	48.500	-	
4	Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3 tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2021	2026	160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 27/NQ-HĐND ngày 29/10/2021; 251/NQ-HĐND ngày 26/6/2025	3.500.000	800.000	800.000	758.000	758.000	-	
	Dự án thành phần 1: Đường ven biển	Toàn tỉnh	2021	2026	1680/QĐ-UBND ngày 09/6/2021; 1807/QĐ-UBND ngày 18/6/2021; 812/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh; 2324/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	2.197.000	500.000		500.000	500.000	-	
	Dự án thành phần 2: Cầu Nhật Lệ 3 và đường hai đầu cầu	Đồng Hới	2022	2026	160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 27/NQ-HĐND ngày 29/10/2021	1.300.000	300.000		258.000	258.000	-	

PHỤ LỤC 4.4: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH CỬ ĐÃ PHÂN BỐ HÀNG NĂM

(Kèm theo Tờ trình số *2110* /TTr-UBND ngày *28/11* 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG					920.300	904.300	866.291	861.794	861.473	-	321
A	LĨNH VỰC KINH TẾ					414.800	398.800	388.636	377.139	377.123	-	16
I	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN					106.800	106.800	103.596	101.949	101.933	-	16
1	Đường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khe nước Trong thuộc khu DTTN Động Châu-Khe nước Trong	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1528/QĐ-UBND ngày 8/6/2022	12.000	12.000	11.640	11.190	11.190	-	
2	Xây dựng bản đồ ngập lụt và phần mềm cảnh báo lũ phục vụ công tác Phòng chống thiên tai cho 03 lưu vực sông lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2459/QĐ-UBND ngày 13/09/2022	10.000	10.000	9.700	8.833	8.833	-	
3	Cấp nước sinh hoạt cụm xã phía Tây huyện Lệ Thủy (giai đoạn 1)	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2246/QĐ-UBND ngày 18/08/2022	37.000	37.000	35.890	35.890	35.890	-	
4	Nâng cấp, xây dựng mới các hạt, trạm kiểm lâm thuộc chi cục Kiểm Lâm	Bố Trạch, Tuyên Hóa, Minh Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4296/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	14.800	14.800	14.356	14.356	14.340	-	16
5	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống các tuyến kênh chính thuộc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình quản lý	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1942/QĐ-UBND ngày 14/7/2022	20.000	20.000	19.400	19.400	19.400	-	
6	Sửa chữa, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn hồ chứa nước Rào Đá, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1568/QĐ-UBND ngày 10/6/2022	5.000	5.000	4.850	4.520	4.520	-	
7	Sửa chữa nâng cấp đập A và đập B công trình Rào Sen, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2289/QĐ-UBND ngày 23/08/2022	8.000	8.000	7.760	7.760	7.760	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
II	GIAO THÔNG					52.000	52.000	50.440	44.840	44.840	-	
1	Xây dựng cầu Đức Nghĩa (Km3+430/ĐT.570B), thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 787/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	52.000	52.000	50.440	44.840	44.840	-	
III	KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP					60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	-	
1	Hạ tầng KCN Bắc Đồng Hới (mở rộng)	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 1170/QĐ-UBND ngày 09/05/2022	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	-	
IV	CÔNG NGHIỆP					25.000	25.000	24.250	24.250	24.250	-	
1	Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2551/QĐ-UBND ngày 21/09/2022	25.000	25.000	24.250	24.250	24.250	-	
V	DU LỊCH					75.000	75.000	72.750	72.750	72.750	-	
1	Đường từ nhánh Đông đường Hồ Chí Minh vào Khu du lịch sinh thái Trầm Mè (gd2)	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 56/QĐ-UBND ngày 11/01/2022	20.000	20.000	19.400	19.400	19.400	-	
2	Xây dựng mới các Trạm và Chốt Kiểm lâm (Trạm Kiểm lâm Thượng Hóa, Trạm Kiểm lâm Khe Gát, Chốt Kiểm lâm Cây Ngà, Chốt Kiểm lâm 39, Chốt Kiểm lâm và Điểm dừng chân Trạ Ang)	Bố Trạch, Minh Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 998/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	25.000	25.000	24.250	24.250	24.250	-	
3	Đường phòng cháy, chữa cháy kết hợp tuần tra bảo vệ rừng và du lịch sinh thái từ Km3 đường Hồ Chí Minh nhánh Tây đến sân bay Khe Gát	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 449/QĐ-UBND ngày 18/2/2022	30.000	30.000	29.100	29.100	29.100	-	
VI	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TẠI ĐÔ THỊ					71.000	55.000	53.350	53.350	53.350	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Nâng cấp, cải tạo hệ thống công viên, cây xanh trên địa bàn thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1257/QĐ-UBND ngày 19/5/2022	35.000	35.000	33.950	33.950	33.950	-	
2	Chỉnh trang đô thị đoạn tuyến Quốc lộ 1 thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	36.000	20.000	19.400	19.400	19.400	-	
VII	TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG					25.000	25.000	24.250	20.000	20.000	-	
1	Xử lý ô nhiễm môi trường các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại một số xã trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Quảng Ninh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 3132/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	25.000	25.000	24.250	20.000	20.000	-	
B	LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI					270.500	270.500	262.385	262.385	262.280	-	105
I	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH					43.000	43.000	41.710	41.710	41.710	-	
1	Đầu tư xây dựng khu thực nghiệm nông nghiệp thông minh - Nông nghiệp 4.0 tại Trung tâm Ứng dụng và Thống kê Khoa học và Công nghệ Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	10.000	10.000	9.700	9.700	9.700	-	
2	Đầu tư bổ sung thiết bị kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn đo lường	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 991/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	8.000	8.000	7.760	7.760	7.760	-	
3	Đầu tư mua sắm thiết bị kỹ thuật chuẩn HD cho hệ thống mạng sản xuất chương trình và nâng cao năng lực quản lý của Đài PT&TH Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	25.000	25.000	24.250	24.250	24.250	-	
II	VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO, XÃ HỘI					80.000	80.000	77.600	77.600	77.510	-	90
1	Tuyến đường dạo, cây xanh, điện chiếu sáng, hệ thống nước thải vòng ngoài Hồ Thành Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	20.000	20.000	19.400	19.400	19.400	-	
2	Cải tạo nâng cấp các hạng mục trong khuôn viên Khu lăng mộ Lễ Thành Hầu Thượng Đăng Thân Nguyễn Hữu Cảnh	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 3)	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	23.000	23.000	22.310	22.310	22.310	-	
4	Cài tạo, nâng cấp trụ sở Sở Khoa học công nghệ	Đồng Hới	2022	2023	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	7.000	7.000	6.790	6.790	6.700	-	90
5	Tôn tạo, nâng cấp khu di tích lịch sử thanh niên xung phong Xuân Sơn	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
III	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN					20.500	20.500	19.885	19.885	19.870	-	15
1	Nâng cấp, phát triển mạng diện rộng của tỉnh; xây dựng hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng và phòng chống mã độc tập trung	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	7.000	7.000	6.790	6.790	6.790	-	
2	Xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở dữ liệu quản lý không gian (SDI) quản lý quy hoạch xây dựng	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	4.500	4.500	4.365	4.365	4.365	-	
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1709/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	4.500	4.500	4.365	4.365	4.350	-	15
4	Nâng cấp, triển khai, nhân rộng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	4.500	4.500	4.365	4.365	4.365	-	
IV	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO					127.000	127.000	123.190	123.190	123.190	-	
1	Nhà nội trú giáo viên 2 tầng 20 phòng và hạ tầng kỹ thuật Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Tuyên Hóa	2022	2024		9.000	9.000	8.730	8.730	8.730	-	
2	Nhà lớp học, nhà hiệu bộ và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Trần Hưng Đạo	Lệ Thủy	2022	2024		7.500	7.500	7.275	7.275	7.275	-	
3	Nhà Lớp học bộ môn 3 tầng 9 phòng Trường THPT Lương Thế Vinh	Ba Đồn	2022	2024		8.500	8.500	8.245	8.245	8.245	-	
4	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Hóa	2022	2024		7.000	7.000	6.790	6.790	6.790	-	
5	Dãy nhà 3 tầng 18 phòng học Trường THPT Quang Trung	Quảng Trạch	2022	2024		12.000	12.000	11.640	11.640	11.640	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
6	Nhà đa năng và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh	Quảng Ninh	2022	2024		8.000	8.000	7.760	7.760	7.760	-	
7	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường THPT Lê Trực	Tuyên Hóa	2022	2024		7.000	7.000	6.790	6.790	6.790	-	
8	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THCS và THPT Dương Văn An	Lệ thủy	2022	2024		8.000	8.000	7.760	7.760	7.760	-	
9	Nhà lớp học bộ môn 8 phòng Trường THCS&THPT Trung Hóa	Minh Hóa	2022	2024		7.500	7.500	7.275	7.275	7.275	-	
10	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường THPT Nguyễn Trãi	Bố Trạch	2022	2024		8.000	8.000	7.760	7.760	7.760	-	
11	Ký túc xá học sinh Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp	Đồng Hới	2022	2024		15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
12	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và công trình phụ trợ Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Lệ Thủy	2022	2024		8.500	8.500	8.245	8.245	8.245	-	
13	Cải tạo khu Ký túc xá học sinh trường PTDTNT tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024		5.000	5.000	4.850	4.850	4.850	-	
14	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Hùng Vương	Bố Trạch	2022	2024		8.000	8.000	7.760	7.760	7.760	-	
15	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Ngô Quyền	Bố Trạch	2022	2024		8.000	8.000	7.760	7.760	7.760	-	
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC					92.000	92.000	90.140	90.140	90.140	-	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	20.000	20.000	19.400	19.400	19.400	-	
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc UBND tỉnh	Đồng Hới	2022	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	-	
3	Cải tạo trụ sở làm việc và khuôn viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	12.000	12.000	11.640	11.640	11.640	-	
4	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục Trung tâm giáo dục dạy nghề và hỗ trợ Nông dân - Phụ nữ Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	7.000	7.000	6.790	6.790	6.790	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Dân tộc và nâng cấp hệ thống dữ liệu công tác dân tộc	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	8.000	8.000	7.760	7.760	7.760	-	
6	Cải tạo trụ sở làm việc Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Bình và các đơn vị trực thuộc	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	5.000	5.000	4.850	4.850	4.850	-	
7	Sửa chữa, mở rộng trụ sở Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 4295/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	10.000	10.000	9.700	9.700	9.700	-	
D	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG-AN NINH					143.000	143.000	125.130	132.130	131.930	- 200	
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm một cửa liên thông Công an tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024		28.000	28.000	27.160	27.160	27.160	-	
3	Đường từ Km56, đường tỉnh 562 vào đến bản Nông cũ và bản Nông mới xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2022	2024		25.000	25.000	24.250	24.250	24.250	-	
4	Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Quốc lộ 1A đến Đồn Biên phòng Ngư Thủy và đến UBND xã Ngư Thủy, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2022	2024		25.000	25.000	24.250	24.250	24.250	-	
5	Đường tuần tra và các hạng mục phụ trợ khu quân sự	Lệ Thủy	2022	2024		16.000	16.000	15.520	15.520	15.520	-	
6	Doanh trại trung đội công binh và đội 589/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024		15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
7	Đường giao liên trong khu căn cứ hậu phương tỉnh Quảng Bình	Bố Trạch	2022	2024		20.000	20.000	19.400	19.400	19.400	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
8	Nâng cấp tuyến đường từ Km 51, đường tỉnh 562 vào đến UBND xã Thượng Trạch	Bố Trạch	2021	2023	157/NQ-HĐND ngày 9/12/2020; 926/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	14.000	14.000		7000	6.800	- 200	

PHỤ LỤC 4.5: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỈNH QUẢNG BÌNH CŨ ĐÃ PHÂN BỐ HÀNG NĂM

(Kèm theo Tờ trình số 2110 /TTr-UBND ngày 28/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG					3.547.475	2.993.975	2.252.860	2.897.910	2.660.882	-	237.028
I	LĨNH VỰC THỦY LỢI, NƯỚC SẠCH VSMT					219.500	219.500	188.190	191.190	176.711	-	14.479
1	Xây dựng hệ thống kênh mương và hệ thống đập tràn hồ chứa nước Trốc Trầu (Giai đoạn 2)	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	28.000	28.000	27.160	27.160	27.160	-	-
2	Kè chống sạt lở đồi núi Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa (giai đoạn 1) lưu ý giảm 520 triệu trung hạn	Minh Hóa	2024	2026	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 198/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	43.000	43.000	16.980	19.980	5.500	-	14.480
3	Xây dựng Kè biển Hải Trạch, xã Hải Phú	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	19.400	19.400	-	-
4	Xây dựng kè chống sạt lở các xã Hiền Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	18.000	18.000	17.460	17.460	17.460	-	-
5	Xây dựng Hồ Khe Luốc và Kè Tam Hương, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.551	1	-
6	Xây dựng, nạo vét và gia cố kênh thoát lũ từ cầu Mệ Sói đến thôn Rầy Cau (Đoạn từ Cầu Rầy Cau đến đường Nguyễn Đóa)	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	-
7	Tuyến mương thoát lũ, đường và kè khu vực Đồng Láng xã Hải Phú, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	-
8	Nâng cấp, mở rộng công trình nước sạch nông thôn	các huyện	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	23.000	23.000	22.310	22.310	22.310	-	-
9	Kè chống sạt lở bờ suối xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	17.500	17.500	16.980	16.980	16.980	-	-
10	Xây dựng Kênh tưới Nguyệt Áng - Thê Lộc - Tân Thành, xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	10.000	10.000	9.700	9.700	9.700	-	-

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
11	Kè chống sạt lở bờ suối tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
II	GIAO THÔNG					1.094.000	1.094.000	1.023.350	1.051.213	1.007.843	-	43.370
1	Nâng cấp tuyến Đường tỉnh 562	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	120.000	120.000	116.400	116.400	96.400	-	20.000
2	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường hai đầu cầu Cồn Năm xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	19.400	19.400	-	
3	Đường giao thông từ thị trấn Đồng Lê đi xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa □	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	19.400	19.400	-	
4	Đầu tư xây dựng đường nối từ trục N2 đi các xã phía Bắc và kết nối với trục B2 trước nhà máy may, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	47.500	47.500	38.800	46.300	39.800	-	6.500
5	Tuyến đường từ ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt đi tổ dân phố 2, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	21.340	20.378	20.378	-	
6	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	28.000	28.000	27.160	27.160	27.160	-	
7	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Sơn Thủy, Hoa Thủy, Thị trấn Nông trường Lệ Ninh	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	34.000	34.000	32.980	32.980	32.980	-	
8	Cầu thôn Ba Đa, xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	28.000	28.000	27.160	27.160	22.160	-	5.000
9	Hoàn thiện các tuyến đường giao thông nội thị tại thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	40.000	40.000	38.800	38.800	33.800	-	5.000
10	Đầu tư xây dựng đường Triệu Quang Phục, Phường Bắc Nghĩa.	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	30.000	30.000	29.100	29.100	29.100	-	
11	Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài, đoạn từ ngã tư Võ Nguyên Giáp đi quốc lộ 1A, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	27.000	27.000	26.190	26.190	26.190	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
12	Đầu tư xây dựng hạ tầng tuyến đường từ chợ Quảng Lưu đi Trung tâm xã Quảng Thạch kết nối tỉnh lộ 22	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	28.000	28.000	27.160	27.160	27.160	-	
13	Xây dựng các tuyến đường xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
14	Tuyến đường nối đường Hai Bà Trưng đến trường Mầm non số 1 thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	19.400	14.400	-	5.000
15	Tuyến đường liên xã Hải Phú đi Sơn Lộc (đoạn từ Sơn Lộc đi ngã ba Thọ Lộc)	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	19.000	19.000	18.430	18.430	18.430	-	
16	Tuyến đường kết nối trung tâm Thị xã Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2346/QĐ-UBND ngày 29/08/2022	27.000	27.000	26.190	26.190	26.190	-	
17	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	16.000	16.000	15.520	15.520	15.520	-	
18	Xây dựng tuyến đường giao thông từ xã Phúc Trạch đi các xã Lâm Trạch và Liên Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
19	Đầu tư xây dựng đường giao thông liên xã Lê Hóa - Kim Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	30.000	30.000	29.100	29.100	29.100	-	
20	Tuyến đường giao thông xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
21	Đường giao thông liên xã từ Hoàn Lão đi Tây Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	19.400	19.400	-	
22	Đường liên xã Quảng Tiên đi Quảng Trung, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
23	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Trường Thủy, Thái Thủy và Dương Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	30.000	30.000	29.100	29.100	29.100	-	
24	Đầu tư xây dựng các tuyến đường tại xã Quảng Lưu và xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
25	Đầu tư các tuyến đường trên địa bàn xã Phong Hóa và Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	24.000	24.000	23.280	23.280	23.280	-	
26	Xây dựng đường liên xã Dinh Mười đi Tân Định	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
27	Đường nối từ Trung tâm giáo dục dạy nghề đi thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	19.400	19.400	-	
28	Cầu vượt lũ Tân Lý, xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa (TMĐT đầu: 20 tỷ; sau điều chỉnh 29 tỷ)	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	29.000	29.000	19.400	28.225	28.225	-	
29	Tuyến đường từ Trung tâm xã Tây Trạch đi đường Hồ Chí Minh, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
30	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ trung tâm huyện đi các xã phía Đông Bắc huyện Quảng Trạch (huyện lên tỉnh trung hạn 10 tỷ chưa bố trí)	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	27.500	27.500	14.550	17.050	15.180	-	1.870
31	Đầu tư xây dựng đường từ phường Quảng Thọ đến Trạm biên phòng Cảng Gianh phường Quảng Phúc	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	37.000	37.000	35.890	35.890	35.890	-	
32	Xây dựng tuyến đường từ cầu Hói Cửa, xã An Thủy đi phía tây huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	17.000	17.000	16.490	16.490	16.490	-	
33	Tuyến đường giao thông đường Võ Thị Sáu, Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
34	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	21.340	21.340	21.340	-	
35	Xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
36	Đầu tư xây dựng tuyến đường xã Yên Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	21.340	21.340	21.340	-	
37	Xây dựng tuyến đường 30 nối QL1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyễn Giáp	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	28.000	28.000	27.160	27.160	27.160	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
38	Xây dựng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn các xã phía nam huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
39	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã An Ninh, Vạn Ninh, Tân Ninh, Xuân Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	23.000	23.000	22.310	22.310	22.310	-	
40	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối Đường Hồ Chí Minh vào trung tâm Thị trấn Nông Trường Việt Trung	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
41	Đường nối từ Hà Nam vào Trung tâm xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
42	Tuyến đường từ cầu Ngắm Rinh - Thanh Liêm, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
43	Cầu lọc thủy an thủy	Lệ Thủy	2022	2025	184/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 và 2919/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	10.000	10.000		10.000	10.000	-	
44	Xây dựng Cầu và đường hai đầu cầu Trường Sơn thuộc tuyến đường Trường Xuân - Trường Sơn	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	33.000	33.000	32.010	32.010	32.010	-	
III	Y TẾ					579.000	429.000	378.310	433.010	386.000	-	47.010
1	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh (cơ sở 2)	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	120.000	120.000	116.400	116.400	76.400	-	40.000
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC)	Đồng Hới	2023	2025	57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	259.000	109.000	67.900	106.900	99.900	-	7.000
3	Xây dựng mới nhà cận lâm sàng phòng khám đa khoa Khu vực Hóa Tiến, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	6.000	6.000	5.820	5.820	5.820	-	
4	Đầu tư xây dựng Khu kỹ thuật và điều trị liên chuyên khoa, bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	50.000	50.000	48.500	48.500	48.500	-	
5	Đầu tư Xây dựng khuôn viên hạ tầng kỹ thuật, khu khám và điều trị phòng khám đa khoa khu vực Thanh Lạng, xã Thanh Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	6.000	6.000	5.820	5.820	5.820	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
6	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Tuyên hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	21.340	21.340	21.340	-	
7	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	21.340	21.340	21.340	-	
8	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.500	15.500	15.040	15.040	15.040	-	
9	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.100	15.100	14.650	14.650	14.650	-	
10	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	32.000	32.000	31.040	31.040	31.040	-	
11	Cải tạo, nâng cấp trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2023	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	3.000	3.000	2.910	2.910	2.900	-	10
12	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	6.000	6.000	5.820	5.820	5.820	-	
13	Cải tạo, nâng cấp các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	11.000	11.000	10.670	10.670	10.670	-	
14	Nhà điều trị và hạ tầng kỹ thuật Bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2020	2022	57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	4.400	4.400	4.270	4.270	4.270	-	
15	Cải tạo nâng cấp Trung tâm và các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	7.000	7.000	6.790	6.790	6.790	-	
16	Nâng cấp các bệnh viện đa khoa tuyến huyện hỗ trợ (Qđinh3125) Minh Hóa, Dhoi, Lệ thủy								15.700	15.700	-	
IV	VĂN HÓA, THỂ THAO, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ					583.000	373.000	265.710	365.710	286.111	-	79.599

TT	Dan h mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn bảo vệ cảnh quan môi trường cho di tích khảo cổ Bàu Tró	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	50.000	50.000	48.500	48.500	13.901	-	34.599
2	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	75.000	75.000	72.750	72.750	55.750	-	17.000
3	Nhà thi đấu đa năng và các công trình phụ trợ, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	75.000	75.000	72.750	72.750	59.750	-	13.000
4	Sân vận động trung tâm huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	25.000	25.000	24.250	24.250	24.250	-	-
5	Cải tạo, sửa chữa nhà thiếu nhi Quảng Bình	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	8.000	8.000	7.760	7.760	7.760	-	-
6	Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2025	41/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4364/QĐ-UBND ngày 25/12/2021 của UBND	340.000	130.000	30.000	130.000	115.000	-	15.000
7	Đầu tư hệ thống Trung tâm chuẩn, thiết bị đo lường, thử nghiệm	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	10.000	10.000	9.700	9.700	9.700	-	-
V	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT					188.575	188.575	182.920	182.920	182.920	-	-
1	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật từ thị trấn Đồng Lê đi xã Sơn Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	25.000	25.000	24.250	24.250	24.250	-	-
2	Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải tại trung tâm huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	28.000	28.000	27.160	27.160	27.160	-	-
3	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	10.000	10.000	9.700	9.700	9.700	-	-
4	Hệ thống trang trí đèn LED dọc sông Nhật Lệ (Đoạn từ thôn Mỹ Cảnh đến thôn Hà Thôn, xã Bảo Ninh)	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	-
5	Xây dựng khu tái định cư di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bởi nhà máy xi măng Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	9.000	9.000	8.730	8.730	8.730	-	-
6	Chỉnh trang đô thị đường Trương Pháp	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	36.575	36.575	35.480	35.480	35.480	-	-

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
7	Xây dựng hạ tầng và đường giao thông kết nối Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh (tăng trung hạn 1 tỷ)	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	65.000	65.000	63.050	63.050	63.050	-	
VI	DU LỊCH					79.500	79.500	57.720	76.720	74.720	-	2.000
1	Xây dựng Trung tâm thông tin và hỗ trợ khách Du lịch tại Phong Nha Kẻ Bàng	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	12.500	12.500	12.130	12.130	12.130	-	
2	Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn (năm 2025 huyện bố trí 624 triệu)	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	45.000	45.000	24.250	43.250	41.250	-	2.000
3	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Lương Ninh, Vĩnh Ninh và Trường Xuân	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	21.340	21.340	21.340	-	
VII	LĨNH VỰC KHÁC					159.400	159.400	156.660	147.010	146.490	-	520
1	Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	25.000	25.000	24.250	24.250	24.250	-	
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực cho Khu DTTN Đông Châu - Khe Nước Trong	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	19.400	19.400	-	
3	Xây dựng khu tạm lánh, nhà ăn cho đối tượng người lang thang cơ nhỡ	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	7.000	7.000	6.790	6.790	6.790	-	
4	Cầu kiểm soát Cửa Sông Gianh	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
5	Xây dựng phòng học bộ môn Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp (Giai đoạn 2)	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	9.000	9.000	8.730	8.730	8.730	-	
6	Xây dựng Ký túc xá sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	12.500	12.500	12.130	12.130	12.130	-	
7	Xây dựng Trụ sở xã Ngư Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	14.550	14.550	-	
8	Đầu tư xây dựng 22 trụ sở công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 1)	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày	22.000	22.000	21.340	13.640	13.640	-	
9	Điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm và kết nối, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp	Đồng Hới	2022	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2320/QĐ-UBND ngày	8.900	8.900	5.820	8.720	8.200	-	520

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	Ghi chú
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
10	Nâng cấp cơ sở vật chất và đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh (TMĐT 30 tỷ; giám 25 tỷ)	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	25.000	25.000	29.100	24.250	24.250	-	
VIII	Cập nhật các dự án phân bổ từ nguồn vượt thu 2021, 2022, 2023					644.500	451.000	-	450.137	400.087	-	50.050
1	Đường và kè nối Nhật Lệ 2 đến khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão và hậu cần nghề cá (phía Nam Cầu Nhật Lệ 3) Thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2025	123/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; 2997/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	298.000	264.500		264.500	224.500	-	40.000
2	Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021; 2441/QĐ-UBND ngày 05/4/2025	193.500	33.500		33.500	33.500		
3	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư công trình cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu tư xã Bảo Ninh	Đồng Hới	2022	2025	72/NQ-HĐND ngày 26/7/2022; 1410/QĐ-UBND ngày 2/6/2023	43.000	43.000		42.137	32.087	-	10.050
4	Trường THCS Thống nhất của Hội người Việt Nam tại tỉnh Khâm Muộn	Huyện Thà Khế, tỉnh Khâm Muộn	2022	2024	91/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 535/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	25.000	25.000		25.000	25.000		
5	Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Hới (mở rộng)	Đồng Hới	2022	2023	72/NQ-HĐND ngày 26/7/2022; 2789/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	65.000	65.000		65.000	65.000		
6	Dự án đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải tại KCN Tây Bắc Đồng Hới và KCN Bắc Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2024	123/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; 2997/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	20.000	20.000		20.000	20.000		

PHỤ LỤC 4.6: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2024 VÀ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH CŨ ĐÃ PHÂN BỐ HÀNG NĂM

(Kèm theo Tờ trình số 20/TT /TTy-UBND ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: NS tỉnh
TỔNG CỘNG											
I	Lĩnh vực an ninh, quốc phòng					1.567.459	1.194.000	19.400	657.790	458.763	-199.027
						233.000	233.000	0	215.500	130.686	-84.814
1	Xây dựng mới Trạm Biên phòng CKQT Cha Lo và nâng cấp, cải tạo, sửa chữa một số trạm, tổ công tác biên phòng.	Minh Hóa	2024	2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	30.000	30.000		24.500	19.973	- 4.527
2	Bệnh xá Công an tỉnh	Đồng Hới	2024	2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023; 3795/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	41.500	41.500		34.000	20.713	- 13.287
3	Doanh trại Huấn luyện tập trung lực lượng dân quân biển và hệ thống kê chống sạt lở Doanh trại Đảo Hòn La	Quảng Trạch	2024	2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023; 2012/QĐ-UBND ngày 17/7/2024	25.000	25.000		20.500	10.500	- 10.000
4	Đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã (56 xã) thuộc Công an tỉnh Quảng Bình (điều chỉnh thành Dự án Cải tạo, mở rộng các trụ sở công an xã/thị trấn để bố trí làm trụ sở Công an xã sau sáp nhập)	Toàn tỉnh	2024	2025	27/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; 216/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	63.500	63.500		63.500	63.500	-
5	Dự án Đường nối từ Quốc lộ 1A về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (giai đoạn 1)	Lệ Thủy	2025	2025		43.000	43.000		43.000	-	43.000
6	Đầu tư trang thiết bị nghiệp vụ phòng chống tội phạm mạng, tội phạm sử dụng công nghệ cao	Đồng Hới	2024	2025	28/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	30.000	30.000		30.000	16.000	- 14.000
II	Lĩnh vực nông nghiệp					472.659	139.000		121.000	99.000	-22.000
1	Nâng cấp hồ chứa nước Dạ Lam	Lệ Thủy	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; 59/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	14.000	14.000		14.000	14.000	-
2	Xây dựng một số hạng mục thiết yếu Cảng cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh	Đồng Hới	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; 148/QĐ-UBND ngày	21.000	21.000		21.000	21.000	-

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
3	Đầu tư xây dựng cảng cá Roòn (giai đoạn 2)	Quảng Trạch	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	20.000	20.000		20.000	11.000	- 9.000
4	Xây dựng củng cố đê, kè chống sạt lở cửa sông Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới giai đoạn 2 (đoạn từ Km0+724 đến Km1+200)	Đồng Hới	2024	2026	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	48.000	48.000		30.000	17.000	- 13.000
5	Nâng cấp Hồ Troóc Vực	Bố Trạch	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; 58/QĐ-UBND ngày 10/1/2025	20.000	20.000		20.000	20.000	-
6	Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá Bắc Gianh (Hỗ trợ đèn bù GPMB)	Ba Đồn	2024	2025	4895/QĐ-BNN-TS ngày 16/11/2023; 1528/QĐ-UBND ngày 3/6/2024	349.659	16.000		16.000	16.000	-
III	Lĩnh vực giáo dục					140.000	140.000		140.000	140.000	
1	Xây dựng nhà vệ sinh, cải tạo hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất khác Trường THCS và THPT Trung Hoá	Minh Hóa	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	3.000	3.000		3.000	3.000	-
2	Xây dựng khối phòng học 3 tầng 6 phòng, nhà vệ sinh và cơ sở vật chất khác Trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Hóa	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	12.000	12.000		12.000	12.000	-
3	Xây dựng khối phòng học bộ môn 3 tầng 12 phòng và cơ sở vật chất khác Trường THPT Trần Phú	Bố Trạch	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	14.000	14.000		14.000	14.000	-
4	Xây dựng dãy nhà lớp học 3 tầng 9 phòng học và cơ sở vật chất khác Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh	Đồng Hới	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	8.500	8.500		8.500	8.500	-
5	Xây dựng khối phòng học bộ môn 3 tầng 6 phòng và cơ sở vật chất khác Trường THPT Đào Duy Từ	Đồng Hới	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	8.500	8.500		8.500	8.500	-
6	Xây dựng khối phòng học 3 tầng 04 phòng học và 6 phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, nhà vệ sinh và cơ sở vật chất khác Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Tuyên Hóa	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	13.000	13.000		13.000	13.000	-
7	Xây dựng khối phòng học 3 tầng (8 phòng bộ môn + thư viện) và cơ sở vật chất khác Trường THCS&THPT Việt Trung	Bố Trạch	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	11.000	11.000		11.000	11.000	-

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)
					QB chủ trương đầu tư	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
8	Hỗ trợ huyện về đầu tư giáo dục					70.000	70.000		70.000	70.000	-
IV	Lĩnh vực khác					249.300	209.500	19.400	166.900	74.687	-92.213
1	Đầu tư xây dựng khoa Ung bướu - Xạ trị, Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam-CuBa Đồng Hới	Đồng Hới	2024	2025	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023; 898/OĐ-UBND ngày	95.000	95.000		95.000	20.787	- 74.213
2	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cầu kết hợp đường 2 đầu cầu qua thôn Minh Tiến, xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2024	2026	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 149/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	85.000	85.000	19.400	42.400	34.400	- 8.000
3	Trang thiết bị nội thất và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Văn hóa huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	20.000	20.000		20.000	10.000	- 10.000
4	Dự án Trung tâm truyền thông - Giáo dục sức khỏe tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2024	2025	198/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	49.300	9.500		9.500	9.500	-
V	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ TRIỂN KHAI 2026-2028					472.500	472.500		14.390	14.390	
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường liên 3 xã Quảng Trung, Quảng Thủy, Quảng Sơn thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1)	Ba Đồn	2026	2028	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	60.000	60.000		1000	1.000	-
2	Xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A	Đồng Hới	2025	2027	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	25.000	25.000		1000	1.000	-
3	Xây dựng tuyến đường từ Trung tâm huyện kết nối các khu dân cư phía Tây, trung tâm huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2026	2028	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	55.000	55.000		1390	1.390	-
4	Nâng cấp tuyến đường trục chính từ Hòa Bình đi Hữu Tân, xã Tân Ninh	Quảng Ninh	2026	2028	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	15.000	15.000		500	500	-
5	Tuyến đường liên xã Thanh Trạch, Bắc Trạch, Hạ Mỹ thuộc huyện Bố Trạch (giai đoạn 1)	Bố Trạch	2026	2028	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	60.000	60.000		2000	2.000	-
6	Kè sông Phú Vinh (đoạn từ Cầu Đức Nghĩa đến đường Điện Biên Phủ), TP Đồng Hới	Đồng Hới	2026	2028	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	15.000	15.000		500	500	-
7	Khắc phục tuyến đường trung tâm xã Hóa Tiến đi xã Hóa Thanh và kết nối đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)	Minh Hóa	2026	2028	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	15.000	15.000		500	500	-
8	Đường kết hợp gia cố mái kè xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2026	2028	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	15.000	15.000		500	500	-

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		KH 2021-2025 giao đầu nhiệm kỳ	Kế hoạch ĐTC Trung hạn 2021-2025 đã điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch (+/-)	
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: NS tỉnh
9	Xây dựng tuyến đường tránh lũ Thủy điện Hồ Hồ xã Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2026	2028	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	15.000	15.000		500	500	-
10	Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 9C đi khu du lịch suối nước khoáng Bang, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2026	2028	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	15.000	15.000		500	500	-
11	Xây dựng tuyến đường ngập lụt từ trung tâm xã Quảng Lưu đi trung tâm xã Quảng Thạch kết nối tỉnh lộ 22	Quảng Trạch	2026	2028	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	25.000	25.000		1000	1.000	-
12	Tuyến đường từ Quốc lộ 1 đi đường ven biển tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch (giai đoạn 1)	Bố Trạch	2026	2028	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	64.000	64.000		1500	1.500	-
13	Đầu tư xây dựng tuyến đường Phan Bội Châu, tổ dân phố 4, thị trấn Quy Đạt	Minh Hóa	2026	2028	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	15.000	15.000		500	500	-
14	Đầu tư kê chống xói lở đoạn từ vườn Phụ Lão thôn Long Trung đến thôn Tiên Phan, xã Quảng Tiên	Ba Đồn	2026	2028	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	13.500	13.500		500	500	-
15	Xây dựng tuyến đường kết nối Hàm Hòa-Trường Niên, xã Hàm Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2026	2028	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	22.000	22.000		1000	1.000	-
16	Đường nối từ đường Hồ Chí Minh nhánh Đông đi Lâm trường Phú Lâm, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2026	2028	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	15.000	15.000		500	500	-
17	Xây dựng hệ thống công trình phục vụ giáo dục thể chất Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp	Đồng Hới	2026	2028	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	18.000	18.000		500	500	-
18	Cải tạo, nâng cấp sửa chữa một số tổ, trạm thuộc BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	Toàn tỉnh	2026	2028	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	10.000	10.000		500	500	-

PHỤ LỤC 4.7: CÁC DỰ ÁN BỔ SUNG TỪ NGUỒN TĂNG THU

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Cập nhập vào KHĐTC trung hạn 2021-2025	Cập nhật KH vốn năm 2025
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
	BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN TỪ NGUỒN TĂNG THU VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN ĐÃ ĐƯỢC THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA					892.061	892.061	363.700	363.700
1	Khởi phòng hành chính quản trị, phòng học chức năng và một số hạng mục phụ trợ khác Trường tiểu học Quảng Phương	Xã Quảng Phương	2025	2026	930/QĐ-UBND ngày 14/8/2025	12.500	12.500	12.500	12.500
2	Xây dựng khối nhà lớp học 2 tầng 12 phòng Trường Tiểu học số 2 Quảng Phú, xã Phú Trạch	Xã Phú Trạch	2025	2026	982/QĐ-UBND ngày 18/8/2025	12.000	12.000	12.000	12.000
3	Dự án Nâng cấp, sửa chữa nhà lớp học 3 tầng (dãy nhà C) trường THPT Võ Nguyên Giáp	Phường Đồng Hới	2025	2026	1140/QĐ-UBND ngày 27/8/2025	5.000	5.000	5.000	5.000
4	Xây dựng khối nhà điều trị Sản, Ngoại, Liên khoa Bệnh viện Đa khoa khu vực Minh Hóa	Xã Minh Hóa	2025	2027	1143/QĐ-UBND ngày 27/8/2025	20.000	20.000	1.000	1.000
5	Trường tiểu học số 1 Cụ Năm, xã Bồ Trạch (CBĐT)	Xã Bồ Trạch	2025	2026	1004/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	7.000	7.000	1.000	1.000
6	Đường từ đường Hồ Chí Minh nhánh Đông đi Quốc lộ 9B qua xã Lệ Ninh	xã Lệ Ninh	2025	2026	998/QĐ-UBND ngày 18/8/2025	9.000	9.000	9.000	9.000
7	Đường và hạ tầng kỹ thuật Khu di tích danh thắng Núi Thần Đinh	Xã Trường Sơn	2025	2027	983/QĐ-UBND ngày 18/8/2025	30.000	30.000	12.000	12.000
8	Dự án Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục tại Quảng trường Hồ Chí Minh, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị	Phường Đồng Hới	2025	2026	932/QĐ-UBND ngày 14/8/2025	10.000	10.000	10.000	10.000
9	Dự án xây dựng tuyến đường từ Hồ Chí Minh đi thôn 2 Lâm Trạch, xã Phong Nha	xã Phong Nha	2025	2027	929/QĐ-UBND ngày 14/8/2025	30.000	30.000	8.000	8.000
10	Sửa chữa nền, mặt đường Đường tỉnh 565C đoạn từ Km14+200- Km16+500 (đoạn từ Xuân Bồ đến Ngã ba chợ Đông) xã Lệ Thủy	Xã Lệ Thủy	2025	2026	1138/QĐ-UBND ngày 27/8/2025	6.000	6.000	6.000	6.000
11	Dự án Khu neo đậu tàu thuyền cho ngư dân khu vực Vịnh Hòn La	Xã Phú Trạch	2025	2026	645/QĐ-UBND ngày 30/7/2025	35.000	35.000	10.000	10.000
12	Hạ tầng tuyến đường từ xã Tuyên Hóa kết nối với tuyến đường 559 thuộc xã Nam Ba Đôn	xã Tuyên Hóa	2025	2027	979/QĐ-UBND ngày 18/8/2025	45.000	45.000	15.000	15.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Cập nhập vào KHĐTC trung hạn 2021-2025	Cập nhật KH vốn năm 2025 □	
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NS tỉnh
13	Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại KCN Bắc Đồng Hới và Tây Bắc Đồng Hới (CBĐT)	Đồng Hới	2026	2028		25.000	25.000	1.000	1.000
14	Nâng cấp mở rộng đường Hiền – Xuân – An – Vạn (đoạn qua An Ninh đi Vạn Ninh) (CBĐT)	Xã Trường Ninh	2025	2027	1141/QĐ-UBND ngày 27/8/2025	7.500	7.500	500	500
15	Các tuyến đường nội vùng Hoa Thủy, xã Lệ Ninh	Xã Lệ Ninh	2025	2027	1000/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	13.000	13.000	8.000	8.000
16	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, cơ sở vật chất và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Sen Thủy	xã Sen Ngư	2025	2026	924/QĐ-UBND ngày 14/8/2025	14.500	14.500	14.500	14.500
17	Trường mầm non Vạn Ninh, xã Trường Ninh	Xã Trường Ninh	2025	2026	923/QĐ-UBND ngày 14/8/2025	14.800	14.800	14.800	14.800
18	Dự án đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe công cộng trên địa bàn Đồng Hới	Đồng Hới	2025	2027	2031/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	50.000	50.000	30.000	30.000
19	Cải tạo, chỉnh trang cơ sở hạ tầng phục vụ mùa du phở Đồng Hới	Đồng Hới	2025	2027	1002/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	22.000	22.000	10.000	10.000
20	Tuyến đường nối đường tỉnh 566 đi sân vận động Lý Nhân, xã Hoàn Lão	xã Hoàn Lão	2025	2026	927/QĐ-UBND ngày 14/8/2025	10.000	10.000	10.000	10.000
21	Xây dựng nhà lớp học Trường mầm non Nam Dinh và các hạng mục phụ trợ khác tại Nông trường Việt Trung, xã Nam Trạch	xã Nam Trạch	2025	2026	946/QĐ-UBND ngày 15/8/2025	14.000	14.000	14.000	14.000
22	Cống, đường và kè trên địa bàn phường Ba Đồn	Ba Đồn	2025	2027	1620/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	52.000	52.000	20.000	20.000
23	Hạ tầng kè kết hợp đường thuộc kè Hới Trường xã Nam Ba Đồn	xã Nam Ba Đồn	2025	2027	984/QĐ-UBND ngày 18/8/2025	19.500	19.500	10.000	10.000
24	Hạ tầng tuyến đường từ Quốc lộ 12A đi đường tránh lũ Phù Cảnh, xã Tân Gianh	xã Tân Gianh	2025	2027	987/QĐ-UBND ngày 18/8/2025	65.000	65.000	26.000	26.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Cập nhập vào KHĐTC trung hạn 2021-2025	Cập nhật KH vốn năm 2025 □
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
25	Các tuyến đường theo quy hoạch vùng phụ cận xã Đồng Lê	xã Đồng Lê	2025	2027	933/QĐ-UBND ngày 14/8/2025	60.000	60.000	20.000	20.000
26	Dự án Kè chống sạt lở bờ suối Tổ dân phố 3, xã Minh Hóa (Giai đoạn 1)	xã Minh Hóa	2025	2027	989/QĐ-UBND ngày 18/8/2025	30.000	30.000	10.000	10.000
27	Dự án Kè chống sạt lở khu dân cư thôn Yên Bình, xã Tân Thành	xã Tân Thành	2025	2027	985/QĐ-UBND ngày 18/8/2025	32.000	32.000	8.000	8.000
28	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đường Hồ Chí Minh Nhánh Tây đến bản Điu Đo, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Trường Sơn	2025	2027	981/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	35.000	35.000	8.000	8.000
29	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường Tiểu học Phong Hóa	xã Tuyên Bình	2025	2026	986/QĐ-UBND ngày 18/8/2025	8.000	8.000	8.000	8.000
30	Hạ tầng kỹ thuật và đường vào khu di tích lịch sử hang Lèn Hà, xã Tuyên Lâm	xã Tuyên Lâm	2025	2027	980/QĐ-UBND ngày 18/8/2025	18.000	18.000	8.000	8.000
31	Sửa chữa nâng cấp mở rộng tuyến đường Tân Thủy đi Thái Thủy và đi di tích lịch sử Miếu Thần Hoàng	Xã Tân Mỹ	2025	2027	1084/QĐ-UBND ngày 25/8/2025	15.000	15.000	1.000	1.000
32	Xây dựng công trình nước sạch xã Cam Hồng (CBĐT)	xã Cam Hồng	2025	2027	1146/QĐ-UBND ngày 27/8/2025	22.000	22.000	1.000	1.000
33	Bố trí vốn thực hiện dự án: Xây dựng hoàn thiện nút giao và hệ thống điện chiếu sáng vỉa hè, cây xanh đường Điện Biên Phủ	Đồng Hới	2025	2026	931/QĐ-UBND ngày 31/8/2025	20.261	20.261	11.400	11.400
34	Hạ tầng kỹ thuật và Nhà lớp học bộ môn Trường THCS An Ninh, xã Trường Ninh	xã Trường Ninh	2025	2027	1085/QĐ-UBND ngày 25/8/2025	9.000	9.000	4.000	4.000
35	Nhà lớp học bộ môn và thư viện Trường THCS số 2 Hưng Trạch	Xã Bố Trạch	2025	2026	1003/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	10.000	10.000	5.000	5.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Cập nhật vào KHĐTC trung hạn 2021-2025	Cập nhật KH vốn năm 2025 □
					QĐ chủ trương đầu tư	TMBT			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
36	Kè chống sạt lở dọc sông Cẩm Lý, xã Lệ Ninh	Xã Lệ Ninh	2025	2027	1083/QĐ-UBND ngày 25/8/2025	25.000	25.000	3.000	3.000
37	Dự án Điện chiếu sáng đoạn đường từ Tổ dân phố Cù Lạc 2, xã Phong Nha đi cây xăng Quân Đội	xã Phong Nha	2025	2027	926/QĐ-UBND ngày 14/8/2025	24.000	24.000	10.000	10.000
38	Chỉnh trang đô thị phường Ba Đồn	Ba Đồn	2025	2027	1147/QĐ-UBND ngày 27/8/2025	15.000	15.000	5.000	5.000
39	Kè thoát lũ sông Phường Bùn (CBĐT)	xã Hoàn Lão	2025	2027	928/QĐ-UBND ngày 14/8/2025	40.000	40.000	1.000	1.000

PHỤ LỤC 5. ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2025 (NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ)
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh)

TT	Danh mục Dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH vốn 2021-2025	Điều chỉnh KH vốn 2021-2025		KH vốn năm 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025	Điều chỉnh KH vốn năm 2025		KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Điều chỉnh thời gian bố trí vốn	Ghi chú
					Số QĐ; ngày tháng năm ban hành	TMĐT			Giảm (-)	Tăng (+)			Giảm (-)	Tăng (+)			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ					5.072.534	2.356.516	268.509	12.307	12.307	171.459	116.744	13.973	13.973	117.424		
	Nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Nghị quyết 59/NQ-HĐND ngày 27/5/2022; Nghị quyết 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; Nghị quyết 151/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình (cũ) Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 21/10/2025; Quyết định 3716/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình cũ					475.577	241.199	219.613	4.137	4.137	122.563	60.238	5.137	5.137	60.238		
1	Xây dựng hạ tầng và đường giao thông kết nối Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh (Nay là Bệnh viện Đa khoa Khu vực Quảng Ninh)	Xã Ninh Châu	2023	2025	1853/QĐ-UBND ngày 07/07/2023	65.000	65.000	63.050				8.000	1.000		7.000		Công trình hoàn thành
2	Bệnh xá Công an tỉnh	Phường Đồng Hới	2024	2026	3795/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	41.500	41.500	34.000				12.713		1.000	13.713		Bổ sung công trình thiếu vốn
3	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng, giai đoạn 2 - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình	Quảng Trị	2018	2025	3590/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 1142/QĐ-UBND ngày 14/4/2020; 479/QĐ-UBND ngày 26/02/2025	275.077	40.699	34.823	3.000		31.823	13.935	3.000		10.935		Công trình hoàn thành
4	Cầu Vượt lũ Tân Lý, xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa	Xã Kim Phú	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	29.000	29.000	28.400	175		28.225	4.300	175		4.125		Công trình hoàn thành
5	Tuyến đường từ Ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt đi Tô dân phố 2, huyện Minh Hóa	Xã Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3739/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	22.000	22.000	21.340	962		20.378	5.540	962		4.578		Công trình hoàn thành
6	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư công trình cầu nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu xã Bảo Ninh	Đồng Hới	2022	2025	72/NQ-HĐND ngày 26/7/2022; 1410/QĐ-UBND ngày 2/6/2023	43.000	43.000	38.000		4.137	42.137	15.750		4.137	19.887	2022-2026	Bổ sung công trình thiếu vốn

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH vốn 2021-2025	Điều chỉnh KH vốn 2021-2025		KH vốn năm 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025	Điều chỉnh KH vốn năm 2025		KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Điều chỉnh thời gian bố trí vốn	Ghi chú
					Số QĐ; ngày tháng năm ban hành	TMĐT			Giảm (-)	Tăng (+)			Giảm (-)	Tăng (+)			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 6/12/2024, số 103/NQ-HĐND ngày 06/12/2025, số 11/NQ-HĐND ngày 04/4/2025, số 25/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị					4.596.957	2.115.317	48.896	8.170	8.170	48.896	56.506	8.836	8.836	57.186		
1	Chuẩn bị đầu tư							13.386	5.856		7.530	6.806	5.856		950		UBND tỉnh đã phân bổ 950 triệu đồng
2	Cải tạo vỉa hè đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà	Đông Hà, Nam Đông Hà	2025	2026	2784/QĐ-UBND ngày 26/11/2024; 2412/QĐ-UBND ngày 03/11/2025	126.500	16.500					16.500	1.200		15.300		Công trình không giải ngân hết số vốn bố trí
3	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội và phục hồi chức năng dành cho người khuyết tật tỉnh Quảng Trị	Nam Đông Hà	2022	2027	2663/QĐ-UBND ngày 07/11/2024; 732/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	293.310,5	15.510	9.310	1.634		7.676	5.000	1.100		3.900		Công trình không giải ngân hết số vốn bố trí
4	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh	Phường Đông Hà	2024	2025	3191/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	6.200,0	6.200	6.200	680		5.520	1.200	680		1.200		Công trình không giải ngân hết số vốn bố trí
5	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Quảng Trị	Các xã: Bến Hải, Bến Quan, Vĩnh Linh, Vĩnh Hoàng, Vĩnh Thủy, Hiếu Giang, Gio Linh, Nam Hải Lăng, Khe Sanh và phường Đông Hà	2017	2023	1241/QĐ-UBND ngày 06/6/2018	222.211	13.717			1.634	1.634	-		1.634	1.634	2017-2025	Bổ sung vốn để quyết toán công trình
6	Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà	Đông Hà, Nam Đông Hà	2024	2027	2469/QĐ-UBND ngày 27/10/2023; 2630/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	1.152.920	134.560					7.000	-	666	7.666		Bổ sung công trình thiếu vốn
7	Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị	Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Đông Hà	55,7km	2021-2027	4282/QĐ-UBND ngày 17/12/2021; 46-NQ-HĐND ngày 26/6/2025 4282/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 832/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 1342/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 2102/QĐ-UBND ngày 21/10/2025	2.731.779	1.864.793	20.000		3.000	23.000	20.000		3.000	23.000		Bổ sung vốn để xây dựng khu tái định cư tại xã Cửa Việt để phục vụ công tác GPMB cho Dự án

TT	Danh mục Dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH vốn 2021 2025	Điều chỉnh KH vốn 2021-2025		KH vốn năm 2021-2025 sau điều chỉnh	KH vốn năm 2025	Điều chỉnh KH vốn năm 2025		KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Điều chỉnh thời gian bố trí vốn	Ghi chú
					Số QĐ; ngày tháng năm ban hành	TMĐT			Giảm (-)	Tăng (+)			Giảm (-)	Tăng (+)			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
8	Trường Tiểu học và THCS Gio Hải (cơ sở 2)	Gio Linh	2024	2025	2710/QĐ-UBND ngày 13/11/2024	64.037	64.037	-		3.536	3.536	-		3.536	3.536		Kế hoạch 2025 bố trí từ nguồn đất nhưng số thu chậm nên bổ sung nguồn NSCĐ để đẩy nhanh tiến độ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày ... tháng ... năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 và năm 2025 của tỉnh Quảng Trị (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ V**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH 15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 8/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 8/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình (cũ) giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình (cũ) về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh quản lý (lần 1) và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 1) và thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2) nguồn ngân sách tỉnh quản lý; Nghị quyết 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 02/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý); Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch vốn năm 2025; Nghị quyết 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2024; Căn cứ Nghị quyết 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, năm 2024 và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025; Nghị quyết số 254/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh Quảng Bình (cũ) quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị cũ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương và các Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh trung hạn: số 145/NQ-HĐND ngày 15/11/2021, số 158/NQ-HĐND ngày 9/12/2021, số 41/NQ-HĐND ngày 14/7/2022, số 62/NQ-HĐND ngày 18/10/2022, số 20/NQ-HĐND ngày 28/3/2023, số 84/NQ-HĐND ngày 24/10/2023; số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; số 133/NQ-HĐND ngày 19/12/2023; số 21/NQ-HĐND ngày 10/5/2024; số 51/NQ-HĐND ngày 11/7/2024; số 79/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; số 99/NQ-HĐND ngày 06/12/2024, số 11/NQ-HĐND ngày 4/4/2025; số 12/NQ-HĐND ngày 4/4/2025; số 32/NQ-HĐND ngày 26/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp và Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 28/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày .../12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 và năm 2025 của tỉnh Quảng Trị (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý); sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của tỉnh Quảng Trị (nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối) như sau:

1. Phê duyệt tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Quảng Trị (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý đối với tỉnh Quảng Bình cũ đã phân bổ) với số tiền 20.564.520 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách tập trung: 4.334.775 triệu đồng
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 13.285.326 triệu đồng
- Nguồn Xổ số: 542.590 triệu đồng
- Nguồn khác: 1.988.607 triệu đồng
- Nguồn tăng thu: 413.222 triệu đồng

2. Cơ cấu nguồn vốn, phương án, lĩnh vực điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của tỉnh Quảng Trị tại các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo.

Điều 2. Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của tỉnh Quảng Trị nguồn vốn ngân sách địa phương với số tiền 13.973 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 5 kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với

Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày ... tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ...tháng ...năm...../.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo PT-TH tỉnh;
- Lưu: VP HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang